

# Kinh Như Lai Viên Giác Trực chỉ đề cương



Pháp Sư Từ Thông

---o0o---

*Nguồn*

*www.quangduc.com*

*Chuyển sang ebook 18 – 8 - 2009*

*Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com*

*[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

## Mục Lục

TỰA

LỜI CÁO BẠCH

PHẠM LỆ

CHƯƠNG MỘT - PHÁP HÀNH CỦA NHƯ LAI TRONG KHI TU NHƠN ĐỊA

CHƯƠNG HAI - BIẾT HUYỄN LÀ ĐÃ LY HUYỄN LY HUYỄN LÀ PHẬT RỒI

CHƯƠNG BA - CHÁNH NIỆM TƯ DUY LÀ CON ĐƯỜNG TU TẬP TIỆM TIỀN

CHƯƠNG BỐN - CHƯA RA KHỎI LUÂN HỒI LUÂN BÀN VIÊN GIÁC TÁNH THÌ

TÁNH VIÊN GIÁC TRỞ THÀNH ĐỒNG TÁNH LUÂN HỒI

CHƯƠNG NĂM - ÂN ÁI THAM DỤC LÀ CĂN BẢN CỦA SỰ LUÂN HỒI

CHƯƠNG SÁU - TÁNH VIÊN GIÁC VỐN LÀ PHI TÁNH

CHƯƠNG BẢY - XA MA THA, TAM MA BÁT ĐỀ VÀ THIỀN NA LÀ PHÁP HÀNH

CĂN BẢN TRONG TOÀN BỘ NỀN GIÁO LÝ PHẬT

CHƯƠNG TÁM - CHỈ QUÁN THIỀN CÓ THỂ XOAY VÒNG THAY ĐỔI THÀNH 25

CÁCH TRONG TIẾN TRÌNH TU TẬP

CHƯƠNG CHÍN - CHÚNG NGỘ LIỄU GIÁC LÀ PHÁP CHƯỚNG NGẠI BỎ ĐỀ

CHƯƠNG MƯỜI - TÁC NHẠM CHỈ DIỆT LÀ BỐN CĂN BỆNH TRỞ NGẠI TIẾN

TRÌNH VỀ NHÀ NHƯ LAI VIÊN GIÁC

CHƯƠNG MƯỜI MỘT - XA MA THA TAM MA BÁT ĐỀ VÀ THIỀN NA TRONG

BƯỚC ĐƯỜNG TU TẬP

CHƯƠNG MƯỜI HAI - BIÊN CẢ DUNG CHỨA NƯỚC HẾT THẢY SÔNG NGÒI

KHE LẠCH VIÊN GIÁC ĐẠI THỪA GIÁO LỢI ÍCH KHẮP CĂN CỐ

---o0o---

## TỰA

Bộ kinh này tiền bối cổ kim từ các thời đại Tống, Minh xa xưa ở Trung Quốc và qua bao thế hệ lịch sử ở Việt nam ta đều tiếp nhận danh xưng của bộ kinh này qua nhan đề ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU ĐA LIỄU NGHĨA KINH. Với nhan đề đó, nói lên tánh chất trọng đại trong trọng đại ở nội dung và giáo nghĩa thâm thâm vi diệu của kinh. Thực lý mà nói, văn tự có tuyệt hảo thế nào cũng không chở hết được ý. Người xưa nói: Ý tại ngôn ngoại. Phật thì nói: "Nhất thiết tu đa la giáo như tiêu nguyệt chỉ". Văn tự, giáo lý của tất cả kinh tạng ví như ngón tay chỉ trăng. Và lại theo lời Phật dạy cho Bồ tát Hiền Thiện Thủ thì kinh này có thể gọi bằng những năm danh tự khác nhau. Mà danh tự nào, ý nghĩa cũng hun hút chiều sâu như vực thẳm.

Khi dịch và viết phần Trục chỉ bộ kinh này, tôi suy nghĩ rất nhiều về cái đề kinh. Theo cổ nhơn gọi tắt với cái tên: VIÊN GIÁC KINH, tôi thấy không vừa lòng. Dùng nhan đề ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU ĐA LA LIỄU NGHĨA KINH tôi cho là quá dài mà cũng không hẳn đủ đảm bảo nội dung của kinh trong đó. Qua quá trình tư duy dai dẳng tôi vụt nhớ hai câu thơ của một thiền sư Việt nam:

"Nam nhi tự hữu xung thiên chí  
Hưu hướng Như Lai hành xứ hành".

Lời cổ vũ sấm rang đó, tôi khởi ý quyết định "chiết trung" hai nhan đề một dài và một ngắn ấy, thành: NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH. Đó là cái nhan đề mà tôi dâng trọn tâm hồn lên đức Phật để xin được đặt ra.

NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH là một bộ kinh thuộc hệ tư tưởng Liễu nghĩa Đại thừa. Ở ?nh này, đức Phật khai thị về tự tánh VIÊN GIÁC của mọi người. Rằng con người ai cũng sẵn có cái tánh giác ngộ viên mãn thanh tịnh không có tội lỗi nhiễm ô. Dù ở Thánh tánh đó không thêm, ở phàm cũng không bị hao bớt. Chúng sanh hiện hữu trên cõi đời này chỉ là diệu dụng tùy duyên vốn sanh khởi từ bản thể tự tánh VIÊN GIÁC bất biến ấy. Vì vậy, cho nên gọi là NHƯ LAI VIÊN GIÁC.

Tu học theo kinh Như Lai Viên Giác hành giả sẽ hiểu rõ về giáo lý:

Đôn tu đôn ngộ  
Tiệm tu tiệm ngộ  
Đôn ngộ tiệm tu

## Đốn tu tiệm ngộ

"Đốn" "Tiệm" là phạm trừ đối đãi về mặt thời gian. "Tu" "Ngộ" là phạm trừ đối đãi về mặt nhân quả. Có tu thì có ngộ. Có ngộ thì có chứng đắc quả vị. Đó là chân lý về nhân quả. Chân lý nhân quả không riêng gì phương tiện tu chứng mà nó bao quát hết thấy sự vật hiện tượng thế gian và pháp xuất thế gian, ngoại trừ thân chứng cảnh giới NHƯ LAI VIÊN GIÁC.

Đáp câu hỏi của Bồ tát Văn Thù về pháp hành của Như Lai khi tu nhơn địa. Phật dạy: PHÁP HÀNH CỦA NHƯ LAI KHI TU NHƠN ĐỊA LÀ SỬ DỤNG TRÍ VIÊN GIÁC QUÁN CHIẾU LÝ VIÊN GIÁC. VÌ VẬY KHÔNG SANH KHỞI VÔ MINH GỌI LÀ THÀNH PHẬT ĐẠO. Qua lời dạy đó, người đệ tử Phật thấy rằng: Khi tu nhơn, đức Phật chỉ sử dụng chân trí soi rọi chân lý. Đức Phật không có làm gì cực nhọc khó khăn. Lấy chân trí trong sáng tỉnh thức quán chiếu chân lý vốn thanh tịnh bản nhiên, do vậy, vô minh không có điều kiện sanh khởi. Mà không có vô minh thì không phải chúng sanh. Không phải chúng sanh thì gọi là Phật, là thành Phật đạo !

Giáo lý đốn tu, đốn ngộ, đốn chứng được Thế Tôn khai thị cho Bồ tát Đại Trí Văn Thù ở chương một của bộ kinh này.

TRI HUYỀN TỨC LY, LY HUYỀN TỨC GIÁC đức Phật dạy cho Bồ tát Phổ Hiền ở chương hai Như Lai vẫn chưa mở bày phương tiện, vì ý Phật muốn cho những người có chủng tánh Đại thừa cần phải hừng khởi ý chí quyết liệt, như người bưng tỉnh một cơn ác mộng. Người biết mộng là người đã tỉnh thức rồi.

Dạy về pháp ĐÓN NGỘ ĐÓN TU ở chương một, đức Phật khai thị cho Bồ tát Đại Trí Văn Thù về công năng tu tập qua một chữ TRI. Ở ?ương hai Phật khai thị về công dụng của chữ LY do Bồ tát Phổ Hiền nêu ra cũng nhằm để hướng dẫn pháp hành ĐÓN TU ĐÓN NGỘ và ĐÓN CHỨNG.

Nếu chưa phải là bậc lợi căn đại trí thì cầu học những phương tiện "Tiệm tu". với pháp tiệm tu, hành giả có thể thực hành tu tập những pháp môn ngang với nghị lực và nhận thức của mình. "Tiệm" có nghĩa là dần dần, từ thấp tới cao, từ chậm đến mau trên đường tu, ngộ. Tuy nhiên, hành giả không để lệch mục tiêu là VIÊN GIÁC TỰ TÁNH vốn có của mình. Rồi mục tiêu ấy mà cầu mong chứng ngộ Bồ đề Niết bàn... chẳng khác nào mò trăng đáy nước, nấu cát hy vọng thành cơm, chờ hoa đốm trong hư vô sanh ra quả ngọt...

CHỈ, QUÁN và THIỀN là ba pháp hành căn bản trong nền giáo lý Phật. Nó được ứng dụng xuyên suốt không gian và thời gian đối với người đệ tử Phật phát chí tu hành, và cũng từ căn bản đó vận dụng triển khai thành "vô lượng pháp môn tu" ! Ví như xi măng, cát, đá, sắt và nước là chất liệu cơ bản của ngành kiến trúc vậy.

Sự chấp mắc sai lầm chân lý đối với đường tu, nó trở thành vật cản, chặn đứng sự tiến lên đỉnh cao Bồ đề Niết bàn Phật. CHÚNG, NGỘ, LIỄU, GIÁC là sự chấp mắc sai lầm về "bản ngã". Không tỏ ngộ chân lý "ngã không", con người rất khó dứt ý tưởng "ngã chấp câu sanh". Dứt câu sanh ngã chấp khó, ví như người tự cắt đầu mình !

TÁC, NHẠM, CHỈ, DIỆT cũng là thứ bệnh chấp sai lầm từ nhận thức, dẫn đến chủ trương lệch lạc chánh nhân. Nhân đã làm thì quả sẽ lạc, khiến cho VIÊN GIÁC DIỆU TÁNH không còn là mục tiêu hướng thiện hâm hở của lúc khởi hành ! Hãy thận trọng lưu tâm !

"Đại hải bất nhượng tiểu lưu". Là biển cả thì không ngại dung chứa nước sông ngòi khe lạch. NHƯ LAI VIÊN GIÁC kinh là tư tưởng Liễu nghĩa Thượng thừa, mà bậc đại căn cơ hay trung lưu tiểu trí, học tu đều đem lại lợi ích thích ứng với CHÍ, NGUYỆN, HÀNH của mỗi người.

Vì nội dung tư tưởng thậm thâm vô thượng, vì tán chất Đại Phương Quảng Liễu Nghĩa của kinh mà tiền bối hậu triết dị khẩu đồng tâm mỗi mỗi triển khai và ghi lại những điều tâm đắc của mình. Suốt quá trình Phật sử ở Trung Quốc, kinh Viên Giác được những nhà Phật học sơ giải, chú thích, trước thuật, biên soạn gồm có những tên gọi:

- Viên Giác Kinh Lược Sớ. Đời Đường, ngài Tông Mật sớ, phân thành 4 quyển.
- Viên Giác Kinh Đại Sớ, Sớ Sao cũng do ngài Tông Mật sớ sao phân thành 3 quyển
- Viên Giác Kinh Sao Biện Nghi Ngô. Đời Tống, ngài Quang Phục biên soạn phân thành 2 quyển.
- Viên Giác Kinh Sớ Sao Tùy Văn Yếu Giải. Đời Tống, ngài Thanh Viên soạn thuật phân thành 12 quyển
- Viên Giác Kinh Ngự Chú. Đời Tống, Hiếu Tông Hoàng Đế chú giải phân thành 2 quyển.
- Viên Giác Kinh Loại Giải. Đời Tống, ngài Hạnh Đình giải phân thành 8 quyển.

- Viên Giác Kinh Lược Sớ Tự Chú. Đời Tống, ngài Như Sơn chú 1 quyển
- Viên Giác Kinh Tâm cảnh. Đời Tống, ngài Trí Thông thuật phân thành 6 quyển.
- Viên Giác Kinh Tập Chú. Đời Tống, ngài Nguyên Túy thuật phân thành 2 quyển.
- Viên Giác Kinh Hiệp Tụng Tập Giải Giảng Nghĩa. Đời Tống, ngài Chu Kỳ soạn thuật phân thành 12 quyển
- Viên Giác Kinh Trực Giải. Đời Minh, ngài Đức Thanh soạn thuật phân thành 6 quyển
- Viên Giác Kinh Yếu Giải. Đời Minh, ngài Tịnh Chánh giải phân thành 2 quyển.
- Viên Giác Kinh Cú Thích Chánh Bạch. Ngài Hoàng Lệ trước thuật phân thành 6 quyển.
- Viên Giác Kinh Liên Châu. Ngài Tịnh Định trước thuật 1 quyển.
- Viên Giác Kinh Tịnh Nghĩa Sớ. Ngài Thông Lý trước thuật phân thành 4 quyển
- Viên Giác Kinh Giải Nghĩa. Ngài Đê Nhân diễn giải phân thành 2 quyển

Đó là những vị tiền bối có quyết tâm đầu tư trí tuệ khai thác nguồn tài nguyên tư tưởng liễu nghĩa thượng thừa ở kinh Viên Giác

Ồ! ?ệt nam ta, cũng đã có một vài bản dịch từ Hán văn ra Việt văn, nhưng vì thiếu vốn đầu tư, và không vận dụng khả năng sáng tạo. Vì vậy công dụng của kinh Viên Giác vẫn còn mai một chưa có cơ hội phát huy, bởi phẩm chất chưa đáp ứng thị trường đối với người muốn tìm học Phật pháp.

Nay với nhan đề NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH TRỰC CHỈ ĐỀ CUƠNG, với khả năng của mình, tôi viết ra phần TRỰC CHỈ để chỉ thẳng trọng tâm, hướng dẫn người đọc nắm được ý chính, nhận thức nghĩa lý tiềm ẩn ở văn kinh ý Phật. Đó là lý tưởng của bĩ nhân tôi đối với công trình biên soạn dịch thuật bộ kinh này. Tuy nhiên, sức đầu tư rất hữu hạn mà tài nguyên liễu nghĩa thượng thừa thì vô tận bao la, cho nên hy vọng có được chút lợi ích nào cho người đọc cũng đáng mừng rồi.

Cổ nhân nói: "Chí lạc mạc như đọc thơ, chí yếu mạc như giáo tử". Không có thú vui nào bằng thú vui đọc sách. Không có sự bí yếu nào bằng cái bí yếu đem dạy cho con.

Đọc sách đã là vui, đọc kinh Phật đối với người Phật tử có lẽ không đến nỗi buồn ! Mong thay !

*Viết tại HUỖNH MAI TỈNH THẮT*  
*Sài gòn, ngày 20 – 11 – 1992*  
**Pháp sư: THÍCH TỪ THÔNG**  
**Kính đề.**

---o0o---

## LỜI CÁO BẠCH

Bộ kinh NHƯ LAI VIÊN GIÁC các tiền bối cổ kim có lẽ vì y theo khuôn sáo trước mà các Ngài thường phân chia thành nhiều quyển từ 2, 3, 4, 5 hay nhiều hơn thế nữa. Riêng tôi, tôi nhận thấy sự phân chia ấy không đem lại hiệu quả gì, mà chỉ thêm phân hình thức rườm rà vô bổ. Sự kiện then chốt của toàn kinh là mười hai vị Bồ tát thay mặt Viên Giác Hải Hội nêu lên những câu hỏi để cầu Phật chỉ dạy. Y?ghĩa nội dung những câu hỏi có thể thu nhiếp trong hai mục đích yêu cầu:

1. Học phương pháp tu mà đức Phật và thập phương chư Phật đã tu và được thành Phật.
2. Cầu Phật giải phẫu chứng bệnh "chấp" và bệnh "nghi" và cầu Phật chỉ dạy phương pháp ngăn ngừa các chứng bệnh đó cho Bồ tát và chúng sanh tu hành hậu thế.

Hai mục đích yêu cầu xuyên qua mười hai đề tài nghi vấn của mười hai vị đại Bồ tát, được Phật khai thị cặn kẽ rõ ràng, khiến cho trình độ tiếp thu chánh pháp của thính chúng được nâng cao liên tục. Với nhận xét đó, tôi thấy sự phân chia ra nhiều quyển, không cần, cho nên tôi chỉ rút một câu hoặc những từ có ý nghĩa then chốt, trọng tâm của đề tài được Phật khai thị, tôi đặt thành "Tiêu đề" của đề tài đó. Và mỗi đề tài nghi vấn của một Bồ tát, tôi kể đó là một chương. Ví dụ:

Chương Một - PHÁP HÀNH CỦA NHƯ LAI TRONG KHI TU  
NHỜN ĐỊA.

Chương Hai - LY HUYỄN TỨC GIÁC GIÁC TỨC THÀNH PHẬT...

Như vậy trọn bộ kinh này có tất cả 12 chương, mà không phân chia số quyển. Mong sao người đọc nhận ý quên lời để giảm nhẹ bệnh hình thức, câu nệ khuôn sáo biến kế danh ngôn.

"Nhất thiết tu đa la giáo  
Như tiêu nguyệt chi".

Lại có thơ rằng:

"Không môn bất khăng xuất  
Đầu song giả tự si  
Bách niên toàn cố chi  
Hà nhật xuất đầu thì".

**Pháp sư: THÍCH TỪ THÔNG**  
**Kính cáo.**

---o0o---

## **PHẠM LỆ**

**Bộ kinh NHƯ LAI VIÊN GIÁC** gồm cả thầy 12 chương, khi nghiên cứu kinh này kính mong độc giả lưu ý:

1. Phần nguyên văn kinh được in chữ đứng, đó là phần dịch từ kinh Hán tự ra Việt văn.
2. Phần trực chỉ in chữ nghiêng để cho dễ phân biệt. Phần này do bị nhân tôi đóng góp viết ra những điều tâm đắc bằng kiến giải của riêng mình. Hy vọng phần trực chỉ sẽ giúp cho độc giả mạnh mẽ để tư duy, gợi trí nhận xét trong tiến trình tìm hiểu học tu theo con đường Phật.
3. Đoạn kinh có nhiều ý, tôi đánh số 1, 2, 3, v.v... Đoạn có đánh số là có tiềm ẩn ý nghĩa sâu xa. Tôi phân tích và triển khai phần tiềm ẩn đó trong phần TRỰC CHỈ sau chương đó.
4. Ở phần TRỰC CHỈ cũng được đánh số 1, 2, 3, v.v... Số ở phần này ứng hợp với số ở phần kinh văn trên. Ví dụ: số 2 ở phần TRỰC CHỈ diễn đạt ý nghĩa tiềm ẩn của đoạn số 2 ở phần kinh văn. Ngược lại, ở phần kinh văn thấy có đánh số 2 tức là đã có diễn đạt ý nghĩa tiềm ẩn của đoạn kinh đó ở sau chương trong phần TRỰC CHỈ.

Mấy lời kính cáo, mong độc giả lưu tâm.

Ngày nào chúng ta còn sống là còn phải học  
"HỌC, HỌC NỮA VÀ HỌC MÃI".

**Pháp sư: THÍCH TỪ THÔNG**

**Cẩn bạch.**

--- o0o ---

## **CHƯƠNG MỘT - PHÁP HÀNH CỦA NHƯ LAI TRONG KHI TU NHƠN ĐỊA**

--- o0o ---

1. Kinh này tôi nghe một thuở nọ đức Phật trụ trong chánh định Đại Quang Minh Tàng. Bảy giờ, thân tâm Như Lai vắng lặng, bình đẳng như hư vô, tùy thuận cảnh giới bất nhị. Các cõi nước thanh tịnh đồng thời hiển hiện trong bối cảnh trang nghiêm ấy và có cả mười vtain đại Bồ tát vân tập thành một hải hội đông vầy. Những bậc thượng thủ trong hành Bồ tát gồm có:

Bồ tát Đại Trí Văn Thù. Bồ tát Phổ Hiền. Bồ Tát Phổ Nhân. Bồ tát Kim Cang Tạng. Bồ tát Di Lạc. Bồ tát Thanh Tịnh Tuệ. Bồ tát Uy Đức Tự Tại. Bồ tát Biện A?. Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chương. Bồ tát Phổ Giác. Bồ tát Viên Giác. Bồ tát Hiền Thiện Thủ cùng các quyền thuộc đồng nhập chánh định BẤT NHỊ.

Bảy giờ Bồ tát Văn Thù Sư Lợi đánh lễ dưới chân Phật rồi đi quanh ba vòng, quỳ gối chấp tay thưa:

2. Bạch Thế Tôn ! Các hàng Bồ tát phát tâm thanh tịnh cầu học Đại thừa phải tu tập thế nào để tránh được các bệnh chấp và những chúng sanh hậu thế phải làm sao để khỏi rơi vào tà kiến ! Cúi mong Như Lai thương xót đại chúng trong hội này mà dạy cho chúng con về PHÁP HÀNH CỦA NHƯ LAI TRONG KHI TU NHƠN ĐỊA từ lúc khởi đầu !

Đức Phật bảo: Văn Thù Sư Lợi ! Lời hỏi của ông rất có ý nghĩa. O?g vì các Bồ tát và chúng sanh đời sau mà hỏi về PHÁP HÀNH CỦA NHƯ LAI TRONG KHI TU NHƠN ĐỊA. Đó là một vấn đề rất hệ trọng Như Lai sẽ vì các ông mà nói:



3. Nay, Văn Thù Sư Lợi ! Đấng Vô Thượng Pháp Vương có pháp môn Đại Tổng Trì tên VIÊN GIÁC. Từ VIÊN GIÁC lưu xuất chân như thanh tịnh, Bồ đề, Niết bàn. Các Ba La Mật môn để dạy cho Bồ tát đều lưu xuất từ VIÊN GIÁC ấy.

Nay, Văn Thù Sư Lợi ! PHÁP HÀNH CỦA NHƯ LAI TRONG KHI TU NHƠN ĐỊA LÀ SỬ DỤNG QUÁN TRÍ VIÊN GIÁC SOI RỌI CHÂN LÝ VIÊN GIÁC, DO VẬY MÀ KHÔNG SANH KHỞI VÔ MINH GỌI LÀ THÀNH PHẬT ĐẠO.

Nay, Văn Thù Sư Lợi ! Các ông nên biết ! Vô minh vốn không là gì cả. Chỉ vì tất cả chúng sanh từ vô thi đến giờ quá nhiều điên đảo, ví như người mất trí nhận sai phương hướng, đông tây trái chỗ, nam bắc lộn tên; vọng nhận tứ đại cho là cái tướng tự thân, bóng dáng lục trần cho là cái tướng tự tâm. Thực chất họ như người bị bệnh mắt. Vì bệnh mắt mà thấy có vành trăng thứ hai bên mặt trăng duy nhất.

Nay, Văn Thù Sư Lợi ! Hư không vốn không có hoa đốm, người bệnh mắt vọng nhận là có. Do vọng nhận cho nên không những hiểu sai về tự tánh của hư không mà còn lầm cho rằng hư không là chỗ sanh ra hoa đốm. Cũng như vậy, luân chuyển sanh tử chỉ là sự vọng nhận và vọng thấy trong VIÊN GIÁC TÁNH thanh tịnh. Vì vậy, cho nên gọi đó là VÔ MINH.

4. Nay, Văn Thù Sư Lợi ! Vô minh không có thực thể. Chúng ví như sự việc trong mộng, khi mộng thì không phải không, lúc tỉnh thì chẳng có gì. Hoa đốm khi diệt mất trong hư không nhưng không thể nói có diệt, vì nó không có thật sanh. Cũng vậy, tất cả chúng sanh ở trong chỗ không sanh, vọng thấy có sanh, ở trong chỗ không diệt vọng thấy có diệt, thế cho nên gọi là luân chuyển sanh tử.

5. Nay, Văn Thù Sư Lợi ! Nhơn Địa của Như Lai trong khi tu VIÊN GIÁC đại định thường vận dụng trí tuệ để BIẾT và BIẾT vô minh vốn không, không có thật tánh, chúng như hoa đốm có trong hư không. Do vậy, không còn lầm nhận về tướng thân tâm cho nên không thấy có tướng thân tâm thọ nhận sự luân chuyển sanh tử. Cái không ấy, không phải do gắng sức cố làm nó mới không mà tánh bản nhiên của nó tự không.

Tánh biết và tánh hư không, cũng như vậy. Biết mà giống như không biết, không lưu giữ về ý niệm biết chủ quan. Tánh hư không cũng không trụ chấp. Tánh biết và tánh không của hư không cả hai đều vắng lặng, bấy giờ gọi là người TÙY THUẬN GIÁC TÁNH THANH TỊNH.

Vì sao nói như thế ! Vì thực tánh của vạn pháp là không. Vì tánh của vạn pháp bất động, vì trong Như Lai tàng không có tướng đầu mối của sự sanh khởi và tướng chấm dứt của sự tận cùng. Vì không có cái tri kiến phân biệt xen vào. Vì tánh của pháp giới là chân như tròn đầy toàn diện, phổ biến mười phương.

PHÁP HÀNH CỦA NHƯ LAI TRONG KHI TU NHƠN ĐỊA là như thế.

Bồ tát tu học Đại thừa nên phát tâm thanh tịnh như vậy. Chúng sanh đời sau theo đó mà tu sẽ không bị rơi vào tà kiến.

Bấy giờ đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ :

Văn Thù ông nên biết.  
Tất cả chư Như Lai  
Nhơn địa thuở ban đầu  
Đều dùng trí tuệ giác  
Nhận rõ các vô minh  
Biết chúng như không hoa  
Mà được khỏi lưu chuyển  
Người mộng thấy việc mộng  
Khi tỉnh chẳng có gì  
Thế Giác như hư không  
Bình đẳng không động chuyển  
Giác khắp mười phương cõi  
Gọi là thành Phật đạo  
Các huyễn diệt không chỗ  
Thành Phật cũng không thành  
Vì tánh Giác viên mãn  
Bồ tát nương nơi đây  
Mà phát Bồ đề tâm  
Chúng sanh trong hậu thế  
Nương đây khỏi tà kiến.

--- o0o ---

**TRỰC CHỈ**

1. Qua nhận thức của Đại thừa thì Phật lúc nào cũng trụ trong thiền định chứ không phải lúc sắp nói kinh đức Phật mới trụ trong thiền định. Với mười tám pháp bất cộng của Phật chứng minh cho điều đó :

- 1/ Thân không lỗi.
- 2/ Khẩu không lỗi.
- 3/ Ý không lỗi.
- 4/ Không có tư tưởng kỳ thị.
- 5/ Không có loạn tâm.
- 6/ Không lưu giữ tri kiến.
- 7/ Ý muốn độ sanh không giảm.
- 8/ Chánh niệm không giảm.
- 9/ Tuệ tâm không giảm.
- 10/ Tinh tấn không giảm.
- 11/ Xả ngã không giảm.
- 12/ Xả pháp không giảm.
- 13/ Thân hành động có trí tuệ.
- 14/ Khẩu nói ra có trí tuệ.
- 15/ Ý tư duy có trí tuệ.
- 16/ Trí tuệ biết đúng về quá khứ.
- 17/ Trí tuệ biết đúng ở hiện tại.
- 18/ Trí tuệ biết đúng ở tương lai.

Đại Quang Minh Tàng là tên của một thiền định. Trụ ở thiền định Đại Quang Minh thì không có vô minh mê ám. Do vậy mà thân tâm Như Lai tịch tĩnh và bình đẳng như hư vô. Bây giờ tự khắc các cõi Tịnh độ hiện ra.

"Có tâm tịnh thì có cõi Phật tịnh".

Muốn tu học Đại thừa cần phải phát chí Đại thừa. Trí phải học theo Đại Trí Văn Thù. Hạnh phải học với Đại Hạnh Phổ Hiền...

2. Bồ tát Đại Trí Văn Thù cầu Phật chỉ dạy ba điều:

- 1/ Cần có kiến giải thế nào để khi tu hành khỏi vướng mắc vào "bệnh chấp".
- 2/ Phải học chánh pháp với ai để có thể tránh được con đường tà kiến".
- 3/ Xin Phật dạy lại pháp hành của Phật trong lúc tu nhơn.

3. RẰNG PHÁP HÀNH CỦA NHƯ LAI KHI TU NHƠN ĐỊA, SỬ DỤNG QUẢN TRÍ VIÊN GIÁC SOI RỌI CHÂN LÝ VIÊN GIÁC, DO VẬY VÔ MINH KHÔNG SANH KHỞI, GỌI LÀ THẦN PHẬT ĐẠO.

Giáo lý "đốn ngộ" "đốn tu" "đốn chứng" là vậy đó. Ý Phật dạy rằng con người vốn có cái chân trí trong sáng, thanh tịnh, không có tội lỗi, đó là cái tánh giác ngộ viên mãn vốn có của con người. Hiện tượng vạn hữu cũng vậy, tánh của nó vốn thanh tịnh viên mãn không có nhiễm ô, không có xấu xa. Đó là chân lý tự nhiên của hiện tượng vạn pháp.

Dùng chân trí thanh tịnh soi rọi chân lý thanh tịnh, tâm và cảnh đều thanh tịnh. Pháp hành của Như Lai khi tu nhơn chỉ có vậy. Và do vậy vô minh không sanh khởi mà gọi là thành Phật đạo.

Nền giáo lý "đốn ngộ đốn tu" chỉ rõ nhân vị của con người do con người quyết định và con người tối linh ư vạn vật.

Ngài Quy Sơn nói:

"Kim sanh tiện tu quyết đoán.  
Tướng liệu bất do biệt nhơn.  
Tức ý vong duyên bất dữ chư trần tác đối.  
Tâm không, cảnh tịch chỉ vị cửu trệ bất thông".

(Tự mình định đoạt cuộc đời mình, dứt khoát không do ai khác. Làm chủ tâm cảnh, cắt đứt căn trần, tự khắc thân tâm cảnh giới thanh tịnh và tịch tĩnh bình đẳng như hư vô... Chân lý là như thế, xưa nay không biết là lỗi ở nơi người.)

4. Vô minh, nó không là gì cả. Nó là thứ huyền vọng không có thực thể. Mê thì vô minh tác động hoành hành. Giác thì vô minh không có. Ví như hoa đốm trong hư không. Hoa đốm chỉ có đối với người bị bệnh nhắm mắt. Người không bệnh nhắm mắt không sao tìm thấy hoa đốm.

5. Phận sự của người tu hành giống như trách nhiệm của người gác cửa. Thành công hay thất bại tùy thuộc ở một chữ BIẾT.

Ở phương này, Phật dạy Bồ tát Văn Thù hãy quan tâm về chữ BIẾT. BIẾT để mà nhận biết vô minh, nhưng khi biết được vô minh, hóa giải hết vô minh thì tánh biết và vô minh bị biết đều buông bỏ hết, chỉ còn một thể giác thanh tịnh viên mãn. Bây giờ được gọi là người TÙY THUẬN VIÊN GIÁC TÁNH.

Sanh tử là diệu dụng tùy duyên của bản thể chân như bất biến. Sanh tử không phải là việc đáng sợ. Thập phương Bồ tát cho đến chư Phật Như Lai

vẫn tùy nguyện vào ra sanh tử để vun quén mãi cái nhân thành Phật cho mình.

Sanh tử do "vọng nhận" mới là thứ sanh tử đáng sợ. Đây là thứ sanh tử khổ đau vì vọng nhận tứ đại làm tướng tự thân, vọng nhận bóng dáng lục trần làm tướng tự tâm của mình. Sanh tử này là con đẻ của vô minh, khổ não ưu bi phát xuất từ "vọng nhận" thật sanh và thật tử...

--- o0o ---

## **CHƯƠNG HAI - BIẾT HUYỄN LÀ ĐÃ LY HUYỄN LY HUYỄN LÀ PHẬT RỒI**

--- o0o ---

Bảy giờ Bồ tát Phổ Hiền đánh lễ Phật và chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn ! Những người cầu học Đại thừa, sau khi nghe hiểu cảnh giới VIÊN GIÁC thanh tịnh rồi phải tu hành thế nào để được kết quả tốt? Bạch Thế Tôn ! Khi chúng sanh nhận biết tất cả là huyền thì thân tâm họ cũng huyền. Vậy thì lấy huyền tu huyền, có kết quả chăng? Và khi các huyền diệt hết, thân tâm cũng không còn thì ai là người tu để gọi là tu hành huyền? Giả sử có hàng chúng sanh không biết tu hành, thường buông trôi sống trong sanh tử huyền hóa với vọng tưởng loạn tâm, không hề biết cảnh giới như huyền thì làm sao có được ngày giải thoát? Cúi mong Như Lai vì hàng Bồ tát và chúng sanh đời sau mở đường phương tiện dạy pháp tu hành tiệm tiến khiến cho xa lìa các huyền !

1. Phật dạy ! Lời hỏi của ông rất có ý nghĩa, sẽ đem lại lợi ích lớn lao cho các hàng Bồ tát và chúng sanh đời sau, những người chủng tánh Đại thừa cầu học NHƯ HUYỄN TAM MUỘI.

2. Nay, Phổ Hiền ! Tất cả chúng sanh và các thứ huyền hóa đều sanh trong NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM, ví như hoa đóm sanh khởi trong hư không. Dù hoa đóm có sanh, có diệt, hư không vẫn y nhiên. Các huyền tùy sanh, tùy diệt mà NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM bất động.

Đối với huyền pháp mà đề cập giác tâm, nhưng nếu chấp có giác tâm thì vẫn chưa ly huyền. Bồ tát và chúng sanh đời sau phải viển ly tất cả cảnh giới huyền hóa, tiếp đến viển ly khái niệm viển ly. Viển ly cả ý niệm ly và không ly, bấy giờ mới thật viển ly các huyền. Ví như người cần lửa, lấy hai thanh

gỗ cọ vào nhau, lửa phát, gỗ cháy, tro bay, khói diệt. Lấy huyễn tu huyễn phương cách ví cũng như vậy. Các huyễn dù diệt hết mà thiên giả không rơi vào đoạn diệt.

Này, Phổ Hiền ! Biết huyễn tức là ly huyễn rồi, đòi hỏi phương tiện mà chi ! Ly huyễn là Phật rồi tìm hiểu tiệm tiến làm gì ! Bồ tát và chúng sanh đòi sau học tu như thế sẽ được viễn ly các huyễn.

Bấy giờ đức Như Lai tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ:

Phổ Hiền ông nên biết.  
Tất cả các chúng sanh.  
Vô thi huyễn vô minh.  
Như hoa đóm trong không.  
Từ hư không huyễn có.  
Hoa đóm dù diệt hết.  
Hư không vẫn y nhiên.  
Huyễn từ Giác tâm sanh.  
Huyễn diệt Giác bất động.  
Hàng Đại thừa Bồ tát.  
Các chúng sanh đời sau.  
Hằng nên viễn ly huyễn  
Các huyễn hãy vĩnh ly.  
Như cọ gỗ lấy lửa.  
Lửa cháy gỗ tiêu tan.  
Tro tàn, khói bốc hết.  
Giác, không cần tiệm tiến.  
Phương tiện cũng chẳng dùng.

--- o0o ---

## **TRỰC CHỈ**

1. Phát tâm tu học Đại thừa phải tư duy tìm hiểu về VIÊN GIÁC TÁNH của vạn pháp và VIÊN GIÁC TÂM của chính mình, vì đó là mục tiêu chính của hành giả cần đạt đến.

2. Huyễn cảnh, huyễn thân, huyễn tâm sanh trong NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM, ví như hoa đóm sanh khởi trong hư không. Dù hoa đóm

có sanh, có diệt, hư không vẫn y nhiên. Cũng vậy, các huyễn tùy sanh tùy diệt mà Như Lai Viên Giác Diệt Tâm bất động.

Đối với thân tâm cảnh giới huyễn mộng mà đề cập "giác tâm". Dùng giác tâm, tỉnh thức để nhận biết thân tâm cảnh giới huyễn mộng. Biết huyễn mộng tức là đã ly huyễn mộng. Ly huyễn mộng là đã tỉnh thức rồi. Phật là một con người, là con người tỉnh thức viển ly tất cả thân tâm cảnh giới huyễn hóa kia. Nên biết, thành Phật phải là người ở tại thế gian. Rời bỏ thế gian để hy vọng thành Phật trong cảnh giới xa xăm hư vô huyền bí thì đó là ý tưởng của người mong tìm sừng thỏ lông rùa !

Ở hương một, Phật dạy Bồ tát Văn thù hãy quan tâm đặc biệt ở chữ TRI, nghĩa là phải BIẾT vô minh không thực thể, nó như hoa đốm trong không để không chiều theo nó mà phải nhận lấy sự sanh tử luân hồi, dù sự luân hồi như huyễn.

Ở hương này, Như Lai vẫn chưa khai thị pháp "tiệm tu". Nhằm mục đích động viên khuyến khích cho Bồ tát và chúng sanh hậu thế, nỗ lực trên con đường "đốn tu, đốn ngộ, đốn chứng".

Như Lai dạy:

"Tri huyễn tức ly bất tác phương tiện.  
Ly huyễn tức giác diệt vô tiệm thứ".

Nghĩa là người "biết huyễn là đã ly huyễn. Người ly huyễn là người thành Phật rồi", còn hỏi thêm chi những pháp tu hành "tiệm giáo" nữa !

Giáo lý "đốn tu, đốn ngộ, đốn chứng" đức Phật dạy bao quát và đầy đủ ở hai chương đầu của bộ kinh Như Lai Viên Giác.

Ở hương một quan trọng ở chữ TRI.

Chương hai này, then chốt ở chữ LY.

TRI và LY là phương pháp tu hành thẳng tắt của những bậc lợi căn tối thượng.

--- oOo ---

## CHƯƠNG BA - CHÁNH NIỆM TƯ DUY LÀ CON ĐƯỜNG TU TẬP TIỆM TIẾN

--- o0o ---

Bấy giờ Bồ tát Phổ Nhân đánh lễ Phật và chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì Bồ tát và chúng sanh đời sau dạy cho chúng con về cách tu hành tiệm tiến. Chúng con phải hành phương tiện chi, tư duy thế nào cho đúng để có thể ngộ nhập. Nếu vận dụng phương tiện không đúng, tư duy sai lệch, sau khi nghe tam muội thậm thâm vi diệu như thế, e rằng không bỏ rời rắm mịt mờ, khó mà thể nhập VIÊN GIÁC TÂM thanh tịnh. Cúi mong Như Lai thương xót hàng Bồ tát và chúng sanh đời sau vận dụng phương tiện, dạy cho chúng con cách thức tu hành tiệm tiến.

Phật dạy! Phổ Nhân ! Thiện ý của ông rất tốt. Ông vì các Bồ tát và chúng sanh đời sau tha thiết hỏi Như Lai về cách tu hành tiệm tiến. Phổ Nhân! Ông hãy lắng nghe Như Lai sẽ vì ông mà nói:

1. Phổ Nhân ! Hàng tân học Bồ tát và chúng sanh đời sau muốn cầu được NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM thì cần phải vĩnh ly các huyễn. Trước hết, thực hành pháp CHỈ, ở chỗ yên tĩnh và nghiêm trì giới cấm. Tiếp đến tu QUÁN, vận dụng quán trí, tư duy quán chiếu về thân. Thân ta kết hợp bởi: tóc, lông, răng, móng, ghèn, nước mắt, nước mũi, nước dãi, mồ hôi cáu bợn, da sừng, da non, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ, óc, hoành cách mạc, gan, mật, ruột già, ruột non, bao tử, bàng quang, đàng trắng, đàng đỏ... Truy nguyên, tất cả do đất, nước, gió, lửa... tứ đại nương gá mà thành. Một khi tứ đại tan rã thì còn gì để gọi là thân. Quán chiếu tư duy như vậy, bèn tỏ ngộ rằng thân này không có thực thể, chỉ là cái tướng hòa hợp tạm bợ mong manh, đồng như huyễn hóa. Lại tư duy rằng: Huyễn thân có sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý ) huyễn cảnh có sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ) tứ đại trong và tứ đại ngoài hòa hợp mà vọng có nhận thức tư duy, bèn gọi cái tác dụng tư duy nhận thức là tâm. Tâm hư vọng đó, nếu không có sáu trần thì tâm đó không còn điều kiện hiện hữu. Sáu trần thì thường ở trong trạng thái phân giải và tan rã liên tục, chẳng có gì đảm bảo sự tồn tại của trần. Tư duy quán chiếu thế rồi, chợt tỏ ngộ rằng: thân tâm, căn trần đều chung quy một con đường hoại diệt, rốt ráo chẳng có gì.



Này, Phổ Nhân ! Tu quán như thế rồi, nhận thức rằng: Huyền thân diệt thì huyền tâm cũng diệt. Huyền tâm diệt thì huyền trần cũng diệt, Huyền trần diệt thì ý niệm diệt huyền cũng diệt. Cái gì huyền diệt hết, cái không phải huyền thì không bị diệt. Ví như lau gương, bụi bám hết, thể sáng hiện ra. Nên biết: thân tâm đều là huyền cấu. Diệt hết huyền cấu thì mười phương thuần một thể thanh tịnh. Ví như Ma ni bảo châu thanh tịnh ánh hiện năm màu, tùy góc đứng của họ mà kẻ ngu si cho rằng Ma ni bảo châu thật có năm màu.

2. Này, Phổ Nhân ! Tánh thanh tịnh của Như Lai Viên Giác Diệu Tâm hiện ở thân tâm chúng sanh tùy chủng loại mà tương ứng. Những kẻ ngu si cho rằng: VIÊN GIÁC DIỆU TÂM thật có cái tướng thân tâm, do vậy mà không thể viễn ly huyền hóa. Thế cho nên Như Lai nói thân tâm là huyền cấu. Người ly huyền cấu Như Lai gọi là Bồ tát. Cấu diệt, ly vọng, ý niệm cấu ly vắng lặng, lúc bấy giờ Bồ tát thành tựu NHƯ HUYỀN TAM MUỘI
3. Này, Phổ Nhân ! Bồ tát và chúng sanh đời sau chứng nhập Như huyền tam muội ấy rồi, vĩnh ly ảnh tượng, bấy giờ không gian vô tận thời gian vô cùng chỉ còn thuần một thể VIÊN GIÁC hằng hữu hiển hiện. Vì VIÊN GIÁC tròn đầy sáng suốt cho nên tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh cho nên tánh thấy thanh tịnh, vì tánh thấy thanh tịnh cho nên nhãn căn thanh tịnh, vì nhãn căn thanh tịnh cho nên nhãn thức thanh tịnh, vì nhãn thức thanh tịnh cho nên tánh nghe thanh tịnh, vì tánh nghe thanh tịnh cho nên nhĩ căn thanh tịnh, vì nhĩ căn thanh tịnh cho nên nhĩ thức thanh tịnh, vì nhĩ thức thanh tịnh cho nên tánh biết thanh tịnh... cho đến tử, thiết, thân, ý cũng đều thanh tịnh như vậy.

Phổ Nhân nên biết: Vì sáu căn thanh tịnh cho nên sắc trần thanh tịnh, vì sắc trần thanh tịnh, nên thanh trần thanh tịnh, vì thanh trần thanh tịnh nên hương, vị, xúc trần cũng thanh tịnh như vậy. Và khi lục trần thanh tịnh rồi thì địa đại thanh tịnh, vì địa đại thanh tịnh cho nên thủy đại thanh tịnh, vì thủy đại thanh tịnh, hỏa đại, phong đại, không đại, kiến đại và thức đại cũng thanh tịnh. Và vì thất đại thanh tịnh cho nên mười hai xứ, mười tám giới, hai mươi lăm hữu thanh tịnh. Vì xứ, giới, hữu thanh tịnh cho nên thập lục, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, tam thập thất trợ đạo phẩm thanh tịnh... cho đến tám muôn bốn ngàn đà la ni môn tất cả thanh tịnh.

Này, Phổ Nhân ! Tất cả là thật tướng. Vì tánh của tất cả vốn thanh tịnh cho nên một thân thanh tịnh, vì một thân thanh tịnh cho nên nhiều

thân cũng thanh tịnh như vậy... cho đến mười phương chúng sanh đồng chung trong một thể VIÊN GIÁC thanh tịnh.

Này, Phổ Nhân ! Một thể giới thanh tịnh cho nên nhiều thể giới cũng thanh tịnh như vậy cho đến khắp mười phương, suốt ba đời tất cả bình đẳng thanh tịnh và bất động.

Này, Phổ Nhân ! Vì hư không bình đẳng bất động mà biết giác tánh bình đẳng bất động. Vì tứ đại bình đẳng bất động mà biết giác tánh bình đẳng bất động. Tám muôn bốn ngàn đà la ni môn bình đẳng bất động cho nên biết giác tánh bình đẳng bất động. Vì giác tánh thanh tịnh bất động biến khắp pháp giới cho nên biết lục căn biến khắp pháp giới, vì lục căn biến khắp pháp giới nên lục trần biến khắp pháp giới, vì lục trần biến khắp pháp giới nên thất đại biến khắp pháp giới cho đến đà la ni môn cũng biến khắp pháp giới.

4. Phổ Nhân ! Do vì tánh VIÊN GIÁC nhiệm mầu kia biến khắp pháp giới cho nên tánh của căn của trần không hủy hoại nhau, không lộn lạo nhau. Vì tánh của căn của trần không hủy hoại, không lộn lạo cho nên đà la ni môn không hoại không tạp. Ví như thấp trăm ngàn ngọn đèn trong một ngôi nhà, ánh sáng của từng ngọn đèn viên mãn không hủy hoại nhau và không lộn lạo nhau.
5. Này, Phổ Nhân ! Thành tựu VIÊN GIÁC rồi, Bồ tát không dính vướng với trời buộc, không mong cầu cõi mở, không nhằm chán sanh tử, không ham mộ Niết bàn, không kính người trì giới, không hủy mạ người phạm giới, không xem trọng người tu lâu, không khinh bạc người sơ cơ vào đạo. Vì sao ? Vì tất cả là một thể giác. Ví như ánh sáng của mắt nhìn xem tiền cảnh, ánh sáng tròn đầy khắp giáp mà không có ghét thương. Vì sao ? Vì thể sáng của mắt không hai.
6. Phổ Nhân ! Bồ tát và chúng sanh ở đời sau tu tập VIÊN GIÁC DIỆU TÂM thành tựu, mà nên xem như không tu và không thành tựu. Vì sao ? Vì thể VIÊN GIÁC thường khắp chiếu mà thường tịch diệt, không có tướng hai. Ở trong đó trăm ngàn muôn ức a tăng lý, bất khả thuyết hằng hà sa số thể giới của chư Phật như hoa đốm trong không, loạn khởi loạn diệt, bất tức, bất ly, không buộc không mở. Lúc bấy giờ, chợt thấy rằng: "Chúng sanh xưa nay là Phật" . Sanh tử, Niết bàn như chuyện mộng đêm qua. Quả sở chứng không được, không mất, không lấy, không bỏ. Người chứng đắc không TÁC, không CHỈ, không NHÂM, không DIỆT. Trong cái gọi là chứng , không năng không sở, hoàn toàn không có cái để chứng, cũng không có người

được chứng. Vì sao ? Vì tánh của tất cả pháp bình đẳng thanh tịnh bản nhiên, không hủy hoại nhau.

Này, Phổ Nhân ! Các hàng Bồ tát nên tu hành như vậy, tiệm tiến là như vậy, tư duy như vậy, trì trụ như vậy và phương tiện là như vậy. Như vậy mà khai ngộ, cầu học pháp như vậy thì sẽ không lầm lạc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ :

Phổ Nhân ông nên biết.  
Tất cả các chúng sanh.  
Thân tâm đều như huyễn.  
Thân thuộc về tứ đại.  
Tâm là bóng lục trần.  
Tứ đại thể rời rạc.  
Người ! Thật chất là ai ?  
Tiệm tu, tu như vậy.  
Tất cả sẽ thanh tịnh.  
Khắp pháp giới bất động.  
Không tác, chỉ, nhậm, diệt.  
Cũng không người năng chứng.  
Tất cả thế giới Phật.  
Như hoa đóm trong không.  
Ba đời đều bình đẳng.  
Rốt ráo chẳng đến đi.  
Sơ phát tâm Bồ tát.  
Và hậu thế chúng sanh.  
Muốn tìm vào Phật đạo.  
Nên như thế tu hành.

--- o0o ---

## TRỰC CHỈ

1. Ở chương một và chương hai, đức Phật dạy cho Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền phương pháp tu "Đốn". Đốn là thẳng tắt đạt mục đích nhanh, không lệ thuộc thời gian. Chân lý là như thế, nhưng thực hiện nếp sống đúng, sống hợp chân lý để thành tựu và thọ dụng được cái kết quả đó thì hoàn toàn còn tùy thuộc ở con người quan trọng hơn nữa là căn tánh của con người. Bởi vì căn tánh con người có bậc thượng, bậc trung và bậc hạ.

Đốn là pháp môn tu chỉ có bậc tối thượng lợi căn mới thực hành nổi. Nói một cách có vẻ bi quan hơn thì đó chỉ là một chân lý. Chân lý để cho con người đặt thành mục tiêu làm chỗ dựa cho lý tưởng mà muốn đến đó chúng ta phải đi bằng phương tiện "TIỆM TIỀN", đi một cách từ từ. Phải đi bằng CON ĐƯỜNG TU TẬP TIỆM TIỀN CHÁNH NIỆM TƯ DUY.

Trước hết thực hành Xa Ma Tha, tức là CHỈ để loại bỏ tạp tướng lăng xăng loạn động. Công dụng của pháp tu CHỈ làm cho tâm yên ổn chặn đứng vọng niệm do tiếp xúc quá nhiều ngoại cảnh trong cuộc sống hàng ngày. Tạo được hoàn cảnh tốt, ở một nơi yên tĩnh vắng vẻ, giữ gìn cảm giới đã thọ trì, thúc liễm thân khẩu ý, thì công dụng của CHỈ được phát huy hiệu quả cao.

Giai đoạn hai tu QUÁN. Quán là vận dụng quán trí để xem xét đánh giá một sự vật một đối tượng bằng cái thấy biết của trí soi rọi vào trong, không thấy biết bằng mắt quan sát bên ngoài, Nói cách khác, QUÁN là cái thấy bằng tư tưởng và biết cũng bằng tư tưởng, cho nên "Quán" thường đi đôi với "tưởng". Quán tưởng khác hơn tưởng tượng tầm thường. Tưởng tượng tầm thường người ta có thể tưởng tượng những gì vô căn cứ, tưởng tượng viển vông. Quán tưởng phải y cứ chánh pháp. Quán tưởng có mục tiêu và khi quán tưởng thành tựu là lúc phát hiện chân lý thực tiễn, sự thật cụ thể của hiện tượng vạn pháp trên cõi đời.

Trước hết "quán" về thân. Thân là một tổng thể kết hợp bởi các thứ như nhóm: tóc, lông, răng, móng... truy nguyên đáo để do địa, thủy, hỏa, phong... duyên khởi mà hình thành. Nó rất tạm bợ mong manh, như huyễn, như hóa... Dù thân có sáu căn, có công năng xúc đối với sáu trần cảnh bên ngoài ở giữa sanh ra sáu thứ nhận thức bèn gọi cái công năng nhận thức đó là " Tâm". Tâm đó chỉ là bóng dáng của sáu trần lưu lại...

Tư duy quán chiếu như vậy để đi đến nhận thức kết luận rằng: Thân tâm, cảnh giới xét đến cùng tột chỉ là pháp huyễn hư chung quy hoại diệt thực chất chẳng có gì (thân vô ngã).

Thứ đến, quán chiếu và nhận thức rằng: Huyễn thân diệt thì huyễn tâm diệt, huyễn tâm diệt huyễn cảnh cũng diệt... cho đến ý niệm diệt huyễn cũng diệt.

Quán chiếu tư duy như vậy, hành giả tỏ ngộ rằng: Thân tâm cảnh giới tất cả là pháp như huyễn do các duyên nương gá mà tồn tại trong giấc mộng dài, thế sự...

2. Lại tư duy rằng: Như Lai Viên Giác Diệu Tâm hiện vào thân tâm chúng sanh tùy chủng loại mà tương ứng.

Như Lai Viên Giác Diệu Tâm, không phải tâm Phật, không phải tâm Bồ tát, không phải tâm Duyên Giác, không phải tâm Thanh Văn... cho đến không phải tâm súc sanh, tâm ngã quý, hay tâm địa ngục. Nhưng Như Lai Viên Giác Diệu Tâm cũng là tâm Phật, cũng là tâm Bồ tát, cũng là tâm Duyên Giác, tâm Thanh Văn... cho đến cũng là tâm súc sanh, tâm ngã quý và tâm địa ngục. Ví như tín hiệu phát sóng của đài Vô tuyến truyền hình, tùy tính chất tốt xấu của máy thu mà âm thanh màu sắc đen trắng... tốt xấu khác nhau. Người hiểu đúng, biết rõ tín hiệu của đài phát sóng không có nhiều dị dạng trong âm thanh màu sắc.

Qua tư duy đó, hành giả tỏ ngộ rằng thân tâm là huyễn cấu, người ly huyễn cấu Như Lai gọi đó là Bồ tát.

Tiến thêm một bước: cấu diệt ly vong, ý niệm CẤU, LY vắng lặng đó là lúc thể hiện kết quả Bồ tát đã thành tựu NHƯ HUYỀN TAM MA ĐỀ (xác định rõ tánh chất vạn pháp duyên sanh như huyễn).

3. Thành tựu NHƯ HUYỀN TAM MA ĐỀ bấy giờ hành giả chợt bừng tỉnh thấy rõ : "thân, tâm, căn, trần, thức, giới, đại đều một màu thanh tịnh".

Rồi thấy rõ : ngu uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, nhị thập ngũ hữu thanh tịnh. Rồi thập lục, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp, tam thập thất trợ đạo phẩm thanh tịnh cho đến tám muôn bốn ngàn pháp tông trì môn đều thanh tịnh. Và lúc bấy giờ hành giả tỏ ngộ chân lý :

"TẤT CẢ LÀ THẬT TƯỚNG" .

4. Thành tựu NHƯ HUYỀN TAM MA ĐỀ, về đến nhà Viên Giác hành giả biết rõ vì sao căn, trần, thức, đại không hoại diệt nhau.
5. Thành tựu Tam Ma Đề cũng tức là về đến nhà VIÊN GIÁC, bấy giờ hành giả biết rõ vì sao Bồ tát không nhằm chán sanh tử, không mong

chứng Niết bàn... không kính người trì giới, không khinh người trái phạm...

6. Thành tựu NHƯ HUYỀN TAM MA ĐỀ, hành giả chợt thấy rằng mình chẳng có tu và cũng chẳng có thành tựu. Vì lẽ trong Viên Giác thanh tịnh không có tướng hai. Bấy giờ thấy rõ trăm ngàn muôn ức a tăng kỳ, bất khả thuyết hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương như hoa đốm trong hư không loạn khởi loạn diệt, bất tức, bất ly... và chợt thấy rõ rằng :

"CHÚNG SANH XƯA NAY LÀ PHẬT".

"SANH TỬ NIẾT BÀN NHƯ GIÁC MỘNG ĐÊM QUA".

Bồ tát Phổ Nhân và đại chúng tiếp thu trọn vẹn pháp môn TIỆM TU ĐỐN NGỘ thậm thâm vi diệu ở chương này.

--- o0o ---

## **CHƯƠNG BỐN - CHƯA RA KHỎI LUÂN HỒI LUẬN BÀN VIÊN GIÁC TÁNH THÌ TÁNH VIÊN GIÁC TRỞ THÀNH ĐỒNG TÁNH LUÂN HỒI**

--- o0o ---

1. Bấy giờ, Bồ tát Kim Cang Tạng đánh lễ Phật và chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn ! Như Lai Thế Tôn vì Đại chúng tuyên dạy về NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM và PHÁP HÀNH CỦA NHƯ LAI KHI TU NHỚN ĐỊA cùng phương tiện TIỆM TIẾN, khiến cho thính chúng trong pháp hội này bệnh mù lòa được sáng tỏ con mắt tuệ tăng trưởng hào quang.

Bạch Thế Tôn ! Nếu như chúng sanh xưa nay đã là Phật thì có gì lại có tất cả vô minh? Còn như chúng sanh xưa nay vốn có vô minh, vậy do nhơn duyên gì Như Lai lại nói chúng sanh xưa nay là Phật ? Nếu tất cả chúng sanh vốn đã thành Phật, sau đó lại sanh khởi vô minh, vậy tất cả chư Phật chừng nào sanh khởi vô minh trở lại. Cúi mong Như Lai thương xót mở kho tàng bí mật, khiến cho Bồ tát và chúng sanh đời sau được nghe pháp môn liễu nghĩa Đại thừa kinh điển ngõ hầu trừ sạch các mối nghi.

Phật dạy: Kim Cang Tạng ! Ông hỏi Như Lai về những giáo nghĩa bí mật thâm thâm liễu nghĩa Đại thừa để cởi mở những gút nghi ngờ cho chúng sanh hậu thế.

Này, Kim Cang Tạng ! Trong thế giới tất cả những sự kiện: bắt đầu, kết cuộc, phía trước, mặt sau, sanh ra, chết mất, chỗ có vật, chỗ trống không, tụ hợp, tan rã, dấy động, ngưng bặc, niệm niệm tương tục, xoay vần, qua lại, khen chê, lấy, bỏ... đều là hiện tượng lưu chuyển luân hồi. Nếu CHƯA RA KHỎI LUÂN HỒI, LUẬN BÀN VIÊN GIÁC TÁNH THÌ TÁNH VIÊN GIÁC TRỞ THÀNH ĐỒNG TÁNH LUÂN HỒI. Ví như mắt giật thấy mặt nước đứng lặng rung rinh, mắt sững thấy đóm lửa quay thành cái vòng tròn liên tục, mây bay thấy trắng xê dịch, thuyền đi thấy bờ chạy. Vì vậy, muốn ra khỏi luân hồi là không thể có.

Kim Cang Tạng ! Mắt giật, mắt sững, mây bay, thuyền đi chưa ổn định được, dù có muốn cho mặt nước đừng rung rinh, vòng tròn của đóm lửa hết trắng ngừng xê dịch, bờ không chạy ngược hãy còn không được, hướng chỉ cái tâm luân hồi sanh tử cấu nhiễm chưa từng thanh tịnh mà nhìn VIÊN GIÁC THANH TỊNH không trở thành lưu chuyển được sao? Vì thế, mà các ông nêu ba câu nạn vẫn hoàn toàn phát xuất từ ý tưởng mê lầm !

2. Kim Cang Tạng ! Ví như mắt lòa vọng thấy hoa đóm. Lòa hết, không nên hỏi rằng lòa đã hết, chừng nào bóng lòa sanh trở lại. Vì sao ? Vì lòa và hoa đóm vốn không có, nó không phải là hai thứ có thực chất đối đãi nhau. Cũng như hoa đóm, diệt trong hư vô, không được hỏi rằng hư vô chừng nào sanh hoa đóm nữa. Vì sao? Vì hư vô vốn không có hoa. Cho nên không có vấn đề khởi sanh hay diệt mất. Sanh tử và niết bàn cũng không có khởi sanh hay khởi diệt. Viên giác Diệu Tâm màu nhiệm không như hoa đóm và bóng lòa.

Kim Cang Tạng ! Nên biết : hư vô không có lúc tạm có, cũng không có lúc tạm không, hướng chỉ là NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM há lại theo sanh tử hay theo Niết bàn mà có sanh, có diệt! VIÊN GIÁC DIỆU TÂM bất động và bình đẳng, cũng như tánh hư vô vốn vĩnh cửu bất động và bình đẳng.

3. Này, Kim Cang Tạng ! Ví như nấu lọc quặng vàng. Vàng không phải do nấu có. Nhưng khi nấu lọc đã thành vàng, vàng không thành quặng

- trở lại, dù trải số kiếp bao lâu, tánh vàng cũng không hoại. NHƯ LAI VIÊN GIÁC cũng vậy, không nên nói: rằng xưa kia không sẵn có. Trong NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM không có cái tên Bồ đề, Niết bàn, cũng không có vấn đề thành Phật hay không thành Phật, không có luân hồi hay chẳng luân hồi. Chỉ vì hàng Thanh Văn, không thể tiếp thu, không thân chứng được, họ chỉ ngăn giúp được phần vô minh thô trọng ở thanh tâm, ngôn ngữ mà hiện ra cảnh giới an tịnh gọi là Niết bàn. Nếu dùng tâm tư duy nhận xét suy lường cảnh giới VIÊN GIÁC NHƯ LAI, chẳng khác nào lấy lửa đom đóm mong đốt núi Tu Di sẽ chẳng có tác dụng gì! Đem cái tâm luân hồi, sử dụng cái thấy biết luân hồi mong vào biển đại tịch diệt NHƯ LAI VIÊN GIÁC, hoàn toàn không có kết quả. Vì vậy, Như Lai dạy: tất cả Bồ tát và chúng sanh đời sau trước hết phải đoạn tận gốc rễ luân hồi vô thi.
4. Này, Kim Cang Tạng ! Có khởi niệm tư duy là có khởi tâm. Đó chỉ là bóng dáng của lục trần, không phải tâm thể chân thật. Nó huyền giả giống như hoa đốm! Dùng tâm tư duy ấy luận bàn về cảnh giới VIÊN GIÁC PHẬT, chỉ là thứ vọng tưởng loanh quanh, không sao thấu đáo được, chẳng khác gì hoa đốm trong hư vô, lại mong chờ kết trái, là chuyện ảo tưởng hoang đường ! Tâm hư vọng thô phù quá nhiều lệch lạc xa rời chân lý thì làm sao hiểu được cảnh giới VIÊN GIÁC đích thực rõ ràng. Cho nên những câu nạn vấn của các ông yêu cầu Như Lai giải đáp không phải là lời nạn vấn có giá trị đứng đắn sâu xa.

Bấy giờ, đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ:

Kim Cang Tạng nên biết.  
Tánh tịch diệt Như Lai.  
Chưa từng có thi chung.  
Nếu lấy tâm luân hồi.  
Tư duy Viên Giác Phật.  
Chỉ quanh quẩn luân hồi.  
Không thể vào biển Giác.  
Ví như nấu quặng vàng.  
Vàng không do nấu có.  
Dù xưa nay là vàng.  
Nhưng phải nhờ nấu lọc.  
Gạn hết quặng khoáng ra  
Vàng không thành quặng nữa.  
Sanh tử với Niết bàn.  
Phàm phu và chư Phật.



Tướng hoa đốm hư vô.  
Tư duy đã là vọng.  
Huống nạn hỏi loanh quanh.  
Quán triệt thâm lý này.  
Nhiên hậu cầu Viên Giác.

--- o0o ---

## TRỰC CHỈ

1. Ba câu hỏi của Bồ Tát Kim Cang Tạng mới nghe qua tưởng chừng như khó mà trả lời cho rốt ráo. Dường như bao nhiêu chân lý đã gom vào đó cả rồi. Thực lý mà nói, đó vẫn là chân lý. Nhưng chân lý đó là thứ chân lý của người chỉ biết hiện tượng vạn pháp bên mặt duyên sanh tương đối, chỉ biết nước qua sóng mỗi lãng tằng ào ạt lô nhô mà chưa biết cái phẳng lặng như gương của nước, chỉ biết vàng qua bông tai, cà rá, kiềng cổ, vòng tai mà chưa biết cái giá trị vĩnh cửu bất biến của vàng. Nói cách khác, sự hiểu biết như vậy là biết một mà chẳng biết hai. Vì vậy mà Như Lai quở: "ba câu nạn vấn của Bồ Tát Kim Cang Tạng phát xuất từ ý tưởng mê lầm".

Phật dạy: "chưa ra khỏi luân hồi mà luận bàn Viên Giác Tánh thì Tánh Viên Giác trở thành đồng tánh luân hồi".

Lời dạy đó của đức Phật, thâm sâu và bao quát, nói lên nỗi lòng chua xót, khó khăn lo âu da diết trong sự nghiệp giáo hoá chuyển mê khai ngộ.

Nói cho người bệnh mắt giật hiểu rằng mặt nước vốn không có rung rinh. Giải thích cho người mù lòa biết cái quàng tròn năm màu quanh ngọn đèn không thật có. Sự thật rõ ràng như thế, nhưng đối với hạng người ấy khó mà nói cho họ nghe, khi bệnh căn của họ chưa hết.

Trước, sau, sanh, diệt, bắt đầu, chung cuộc, tụ hợp, chia ly, có, không, yêu, ghét... đều là hiện tượng biểu hiện của sự luân hồi. Tất cả chúng sanh sống quay cuồng trong hiện tượng duyên sanh huyễn hóa, chỉ cho chúng sanh nhận biết thế nào là huyễn hóa, thế nào là duyên sanh là việc rất khó khăn.

2. Như Lai Viên Giác tự tánh là tánh thanh tịnh bản nhiên của sự vật vô tình. NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM là tánh thanh tịnh bản nhiên

của chúng sanh hữu tình. Tánh thanh tịnh bản nhiên của Như Lai Viên Giác không có lúc tạm có cũng không có lúc tạm không, cho nên Như Lai nói: CHỨNG SANH XƯA NAY LÀ PHẬT.

Vô minh không có tự tánh, ví như hoa đóm trong hư không. Hoa đóm chỉ có với người bị bệnh mắt lòa. Mắt hết bệnh lòa thì hoa đóm thì hoa đóm không có lý do để mà sanh khởi. "Thật tánh của vô minh là Phật tánh". Vì vậy Như Lai vẫn có lý do để nói: CHỨNG SANH XƯA NAY LÀ PHẬT"

3. Cảnh chiêm bao không hiện trở lại khi người đã thức. Hoa đóm không sanh khởi trước người đôi mắt sáng suốt sạch trong.

Vàng không thành quặng trở lại khi đã nấu lọc tinh thuần. Như Lai là Đại Giác, cho nên không bao giờ chư Phật sanh khởi vô minh trở lại.

Thành tựu : Như Lai Viên Giác Diệu Tâm, tức là về đến Bồ đề tự tánh, Niết bàn diệu tâm đến nguyên quán của mình mà mình xa rời lưu lạc từ bấy lâu nay. Do vậy, Như Lai nói: Trong cảnh giới Như Lai Viên Giác Diệu Tâm không có thành Phật hay không thành Phật. Không có luân hồi hay không luân hồi. Không có cái từ Bồ đề Niết bàn để khiến cho ai ham mộ...

4. Thể nhập cảnh giới Viên Giác không thể dùng tâm phân biệt tạp tướng để suy lường. Vọng tâm, tạm tướng suy lường cảnh giới Viên Giác thanh tịnh cũng như lấy lửa đóm đóm đem đốt núi Tu di dù có nhọc công nhưng không đem lại kết quả gì.

--- o0o ---

## **CHƯƠNG NĂM - ÂN ÁI THAM DỤC LÀ CĂN BẢN CỦA SỰ LUÂN HỒI**

--- o0o ---

Bây giờ Bồ tát Di lạc đánh lễ Phật và chấp tay thưa:

Đấng đại bi Thế Tôn đã mở kho tàng bí mật, khiến đại chúng có được đạo nhãn, thâm ngộ luân hồi, phân biệt tà chánh, đối với đại Niết bàn có lòng chánh tín kiên cố, không thể rơi vào ảo tưởng với kiến chấp sai lầm.

Bạch Thế Tôn ! Bồ tát và chúng sanh đời sau muốn dạo chơi trong biển đại tịch diệt của Như lai phải đoạn căn bản luân hồi bằng cách nào? Luân hồi có bao nhiêu chủng tánh? Đường Bồ đề Phật tu tiến có những sai khác thế nào? Khi vào trần lao cần có những phương tiện chi trong sự nghiệp giáo hoá độ chúng sanh? Cúi mong Như Lai mở rộng lòng bi chỉ dạy cho các Bồ tát và chúng sanh có được tuệ nhãn sáng trong, gương lòng tỏ rạng hầu tiếp thu tri kiến Như Lai Vô thượng !

Phật dạy: Di lặc! Những lời ông hỏi rất có ý nghĩa, sẽ đem lại lợi ích cho Bồ tát và chúng sanh.

Này, Di Lặc! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến giờ, vì ân ái tham dục mà tác tạo ra nguyên nhân và hậu quả của sự luân hồi. Trong thế giới có các loại chúng sanh như: sanh do thai, do trứng, do ẩm ướt, do biến hóa đều do dâm dục mà hình thành tánh mạng. Vì vậy, cho nên biết rằng nguồn gốc của luân hồi chính là sự ái ân. Dục hỗ trợ cho ái, ái làm tăng trưởng dục thành ra chuỗi dài nhân quả, quả nhân cho sự luân hồi tương tục. Thế cho nên, chúng sanh ái mạng cũng tức là ái dục. A? dục là ái hơn, mà ái mạng là ái quả. Cảnh dục sanh khởi, có cảnh bằng lòng có cảnh trái ý, mà dấy niệm ghét yêu, tạo ra các thứ nghiệp ác. Do vậy, mà có đường ngã quý, súc sanh và địa ngục. Nhận biết dục là nguyên nhân của khổ đau, sanh lòng nhàm chán, bỏ ác làm lành thì được thiện quả ở cõi hơn thiên. Đến như hạng người nhàm chán ái dục, chuyên tu định xả và đam mê nơi đó thì cũng chỉ là tăng trưởng một phần thiện quả, vẫn chưa ra khỏi luân hồi, không thể thành thánh đạo. Vì thế, chúng sanh muốn thoát ly sanh tử ra khỏi luân hồi, phải trừ sạch khát ái. Các Bồ tát thị hiện sanh ở hơn gian, không phải do gốc ái mà do lòng từ, vì muốn dạy cho chúng sanh xa lìa tham dục ái ân mà có mặt trong đường sanh tử. Chúng sanh đời sau xả hết các thứ dục, trừ bỏ ghét yêu thì mới bừng sạch gốc rễ luân hồi. Bây giờ siêng năng cầu học tu tập cảnh giới NHƯ LAI VIÊN GIÁC thì tâm được sạch trong bèn được mở mang tỏ ngộ.

Này, Di Lặc ! Tất cả chúng sanh do gốc tham dục mà phát huy vô minh, từ đó sanh ra năm hạng chủng tánh khác nhau căn cứ trên hai thứ chướng mà phước báo và tội báo khác nhau. Hai chướng là lý chướng và sự chướng. Lý chướng, chướng ngại trí hiểu biết nhận thức đúng chân lý. Sự chướng, do những hành vi bất thiện cho nên nối dài đường sanh tử thêm ra.

Hai chướng chưa đoạn trừ thì gọi đó là chủng tánh phàm phu hạng NGƯỜI CHƯA THÀNH PHẬT.

Nếu đoạn hết tham dục, dứt trừ sự chướng, lý chướng chưa đoạn thì ngộ nhập cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác gọi đó là chủng tánh NHỊ THỪA.

Có chí lớn muốn dạo chơi trong biển Đại Viên Giác Như Lai, phát nguyện dứt mãnh đoạn trừ hai chướng. Hai chướng tiềm phục thì sự nhận thức chân lý rộng sâu, chứng nhập Bồ tát cảnh giới, gọi là hạng người chủng tánh ĐẠI THỪA.

Sự chướng và lý chướng đã đoạn trừ trọn vẹn thì thể nhập NHƯ LAI VIÊN GIÁC cảnh giới vi diệu, tròn đủ Bồ đề và Đại Niết bàn.

Này, Di Lặc ! Tất cả chúng sanh ai cũng có khả năng chứng nhập Như Lai Viên Giác vi diệu. Tuy nhiên, trên đường tu hành người thiện tri thức cũng là một trợ duyên có tánh quyết định. Trở thành ngoại đạo, Nhị thừa hay Đại thừa đều ảnh hưởng và tùy thuộc cái đạo lý và pháp tu hành của người thiện tri thức hướng dẫn, giáo hóa lúc mới phát tâm. Do vậy, pháp tu hành chia ra có "Đôm" có "Tiệm". Nếu đủ duyên lành gặp được giáo lý Như Lai Vô Thượng dẫn dắt đi con đường chánh thì không luận căn cơ đều có thể thành tựu Phật quả. Nếu chẳng may, trong lúc mới phát tâm tu hành gặp nhầm người tà kiến hướng dẫn vào đạo, bày vẽ pháp tu sai lạc chánh non, mịt mờ chân lý. Hạng người như thế, gọi là chủng tánh ngoại đạo.

Dù bị sự ngoại đạo hướng dẫn tu hành lầm lạc, lỗi đó không phải ở chúng sanh, mà tại vì lúc phát tâm không vận dụng trí tuệ, dẫn đo cân nhắc, vì vậy, mà có năm chủng tánh khác nhau cùng hướng về một mục đích: Vô Thượng Bồ đề.

Khác với hạng người trong năm chủng tánh kia, Bồ tát vận dụng đại bi phương tiện thị hiện các thứ hình tướng hoặc từ hoặc uy, lẫn lộn trong thế gian đồng sự với chúng sanh để khai ngộ. Giáo hóa khiến cho thành tựu Phật đạo. Việc làm đó của Bồ tát phát xuất từ nguyện lực thanh tịnh vô nhiễm nhằm độ thoát chúng sanh. Chúng sanh đời sau đối với Như Lai Viên Giác nên khởi tâm tăng thượng, phát đại nguyện rằng: tôi nguyện trụ trong Như Lai Viên Giác gần gũi thiện tri thức, tránh xa ngoại đạo và Nhị Thừa. Nguyện đoạn trừ các chướng lần lần tiến lên pháp diện thanh tịnh đại Viên Giác trang nghiêm.

Bấy giờ đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ:

Di Lặc ông nên biết.

Tất cả các chúng sanh.  
Không được đại giải thoát.  
Đều do lòng tham dục.  
Mà rớt trong sanh tử.  
Nếu dứt hết ghét yêu.  
Và tham, sân, si, mạn.  
Không luận chủng tánh nào.  
Đều được thành Phật đạo.  
Hai chướng dứt hết rồi.  
Cầu thầy được chứng ngộ.  
Tuỳ thuận Bồ tát nguyện.  
An trú Đại Niết bàn.  
Mười phương chư Bồ tát.  
Đều dùng nguyện đại bi.  
Thị hiện vào sanh tử.  
Người tu hành hiện tại.  
Và Chúng sanh đời sau.  
Siêng năng trừ ái kiến.  
Đại Viên Giác được về.

--- o0o ---

## TRỰC CHỈ

Luân hồi là một chân lý phổ biến. Giáo lý luân hồi không phải dành riêng cho những người có đức tin Phật. Hiện tượng vạn hữu đều ở trong quy luật tuần hoàn luân hồi. Nói theo thuật ngữ của Phật giáo, vô tình chúng sanh, hữu tình chúng sanh đều chịu sự chi phối của quy luật luân hồi.

Xuân, hạ, thu, đông, sanh, trụ, dị, diệt, thành, trụ, hoại, không là biểu hiện sự luân hồi của vạn vật vô tình, sanh, già, bệnh, chết là biểu hiện luân hồi của chúng sanh hữu tình, cho nên đúng chân lý thì luân hồi không phải là sự kiện đáng lo sợ. Vì đó là quy luật là chân lý.

Sự luân hồi mà Bồ tát Di Lặc yêu cầu Phật khai thị ở đây là thứ luân hồi trong sáu nẻo trực tiếp chịu sự chi phối khổ não ưu bi của các cõi trời, người, a tu la, quỷ, súc sanh và địa ngục.

Tạo nghiệp luân hồi có tương quan với chủng tánh. Mỗi chủng tánh là mỗi căn cơ sai khác. Chủng tánh phạm phu thường tạo nghiệp nhưn luân hồi

trong thế giới lục phàm. Chủng tánh Nhị thừa và chủng tánh Đại thừa chỉ tạo nhân luân hồi trong cảnh giới Tứ thánh mà thôi.

A? ân và tham dục là nguyên nhân của luân hồi sanh tử ưu bi khổ não. A? ân nuôi lớn tham dục, tham dục làm tăng trưởng ái ân kết thành chuỗi dài nhân quả tương tục.

Sanh mạng do dục mà có. Dục là nhân của sanh mạng, sanh mạng là quả của dục. Vì vậy, ái mạng tức là ái dục, chẳng qua ái mạng là ái quả, còn ái dục là ái nhân.

Cảnh ái dục có bằng lòng và trái ý, từ đó sanh khởi ý niệm ghét thương thân sơ thù xả tạo ra nhiều nghiệp ác. Do vậy có ra các đường ngạ quỷ, súc sanh và địa ngục.

Biết tai hại của ái dục phát tâm tu các thiện nghiệp thì được quả báo cõi nhơn thiên. Đến như hạng người nhàm chán ái dục tu thiên định "xả", một thứ định cao nhất trong tứ thiên, nhưng nếu lệch đi một niệm khởi ý đam mê sự "thanh tịnh" thì vẫn chưa ra khỏi luân hồi. Bởi vì "đam mê" là một hình thức ái dù là "ái" thanh tịnh, "ái" Bồ đề, Niết bàn.

Thế cho nên, tất cả chúng sanh muốn ra khỏi luân hồi sanh tử ưu bi cần phải đoạn trừ gốc ái.

Bồ tát, Phật "tùy nguyện" thọ sanh hiện vào các quốc độ trong mười phương để hóa độ chúng sanh. Sự thọ sanh của các Ngài không có bị khổ não ưu bi chi phối. Cho nên sự thọ sanh đó, thường được kính trọng xưng gọi bằng cái từ "thị hiện". Thực lý, thì đó cũng là một hình thức luân hồi của những bậc đại giác, luân hồi trong tinh thức không bị chi phối bởi lực hấp dẫn của vô minh.

Do lẽ đó, nên biết rằng: Bồ tát, thành Phật không phải là thành "cái không có gì hết" "cái rỗng không" ở một cõi "trống trơn" vắng lặng...

A La Hớn là con người. Thành A La Hớn từ con người. Duyên Giác, Bồ tát cho đến Vô thượng Bồ đề Phật vẫn là con người và các quả vị đó thành tựu từ con người.

Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Cho nên gọi là "chủng tánh" thực lý không có chủng tánh nào cố định. Dù không cố định, nhưng có

thể có ra năm thứ chủng tánh khác nhau. Yếu tố để ước định phân chia thành chủng tánh là SỰ CHƯỚNG và LÝ CHƯỚNG.

Sự chướng cũng gọi PHIÊN NÃO CHƯỚNG. Thứ chướng này thường qua lại trong sáu căn, biểu hiện thông qua ba nghiệp: thân, miệng và ý của con người. Sát, đạo, dâm: vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiện, ác khẩu; tham, sân, si là những biểu hiện cụ thể là căn bản của sự chướng. Do vậy, sự chướng nối dài đường sanh tử luân hồi ưu bi khổ não thêm ra.

Lý chướng còn gọi SỞ TRI CHƯỚNG. Thứ chướng này cản trở sự hiểu biết trong sáng sự nhận thức đúng chân lý, khiến cho con người mê mờ chân lý không phân chánh tà, thiện ác, triền phược, giải thoát. Do vậy, đóng bít cửa Niết bàn, cắt đứt đường Bồ đề Phật.

Đối với sự chướng, lý chướng còn chưa có ý thức đoạn trừ, hạng người như thế gọi là CHŨNG TÁNH PHẠM PHU.

Đứt trừ sự chướng, chưa đoạn lý chướng, hạng người như thế gọi là CHŨNG TÁNH NHỊ THỪA.

Có chí lớn muốn dạo chơi trong biển đại tịch diệt Như Lai Viên Giác, dũng mãnh đoạn trừ hai chướng. Khi hai chướng tiềm phục, trí tuệ rộng sâu trong tiến trình nhận thức chân lý... Thể nhập Bồ tát cảnh giới có sức tự tại đối với vạn pháp. Như thế gọi là hạng người CHŨNG TÁNH ĐẠI THỪA.

Trên đường tu, người thiện tri thức có ảnh hưởng đến cuộc đời mình. Trong lúc mới phát tâm chẳng may gặp phải người tà kiến khuyến hóa tu hành, sai lạc chánh pháp thành Phật, van thân, khẩn quý, trì tà chú luyện âm binh. Người như thế lạc vào CHŨNG TÁNH NGOẠI ĐẠO.

Nếu gặp duyên lành trở về đường chánh đạo được thiện tri thức dạy chánh pháp tu học chánh pháp như người này có thể phát huy thiện nghiệp tiến lên hoặc cũng có thể tiến xa hơn nữa, cho nên gọi hạng người ở vào trường hợp như thế là CHŨNG TÁNH BẤT ĐỊNH.

Tất cả chúng sanh đều có khả năng tu hành để thành tựu đến quả vị Phật. Dù bị tà sư ngoại đạo dẫn dắt sai lạc chánh pháp, nhưng lỗi đó cũng không quy trách cho tà sư, cũng không phải vô cớ mà người này đi vào con đường sai lạc ấy. Điều đó phải hiểu rằng nó có tương quan mật thiết trong quá trình gieo trồng hạt giống Bồ đề của mọi người có căn có sâu. Vì vậy mà có năm chủng tánh sai khác.

Cùng một sự kiện phát tâm, người trí phải chín chắn suy nghĩ về hành động của mình và mục đích của sự phát tâm đó. Phát tâm TÀ, CHÁNH, CHƠN, NGUY, ĐẠI, TIÊU, THIÊN, VIÊN kết quả khác nhau như đen với trắng.

Người đệ tử Phật muốn rong chơi trong biển đại tịch diệt Như Lai Viên Giác chỉ có thể phát tâm CHÁNH, CHƠN, ĐẠI và VIÊN. Phát tâm như vậy sẽ không lệch mục tiêu cao đẹp của người con Phật đang tiến bước trên đường Bồ đề, Niết bàn vô thượng.

--- o0o ---

## CHƯƠNG SÁU - TÁNH VIÊN GIÁC VỐN LÀ PHI TÁNH

--- o0o ---

Bấy giờ, Bồ tát Thanh Tịnh Tuệ đánh lễ Phật và chấp tay thưa:

Đấng Đại bi Thế Tôn vì chúng con nói những việc bất tư nghi, từ trước chúng con chưa từng được nghe. Nhờ sự chỉ dạy khéo léo của Thế Tôn tâm chúng con khinh an thư thối được lợi ích lớn lao. Kính xin Như Lai Thế Tôn vì đại chúng trong hội này, dạy rõ thêm về tánh Viên Giác. Đối với Như Lai Viên Giác Diệu Tánh chúng sanh, Bồ tát và chư Phật tu hành khi chứng đắc có sai khác chi chằng? Cúi mong Như Lai chỉ dạy, khiến cho chúng sanh đời sau tùy thuận khai ngộ và lần lần thể nhập.

1. Phật dạy: Thanh tịnh Tuệ! Ông cũng lại hỏi Như Lai về pháp tu hành tiêm tiến sai biệt! Này, Thanh Tịnh Tuệ ! VIÊN GIÁC TỰ TÁNH vốn là PHI TÁNH, tùy thuận các tánh hư vọng đối đãi mà Như Lai khai thị, thực lý thì không có gì để chứng đắc, cũng không có gì để nắm lấy. Bởi vì ở trong thật tướng không có Bồ tát và chúng sanh. Bởi vì Bồ tát và chúng sanh đều là huyễn hóa. Huyễn hóa diệt, không còn ai là người chứng đắc. Ví như con mắt không tự thấy con mắt, vì tánh của nó tự bình đẳng, không có chủ thể bình đẳng can dự vào. Chúng sanh mê mờ điên đảo, chưa có thể diệt trừ huyễn hóa, đối với kẻ diệt người chưa, dựa trên công dụng hư vọng đó mà giả định ra có sai biệt! Nếu tùy thuận cảnh giới tịch diệt VIÊN GIÁC NHƯ LAI thì không có đối tượng tịch diệt và người chứng nhập tịch diệt.
2. Này, Thanh Tịnh Tuệ ! Tất cả chúng sanh từ vô thi đến giờ do vọng tưởng về bản ngã và tham ái bản ngã, cho nên khởi niệm ghét thương đăm mê ngũ dục, không từng phản tỉnh hồi quang. Nếu gặp thiện tri



thức chỉ bày TÁNH VIÊN GIÁC THANH TỊNH, xác định rõ ràng và phân tích tánh khởi diệt vô thường hư huyền của tự ngã, bèn nhận biết kiếp sống này chỉ là bóng quáng khởi diệt trong NHƯ LAI VIÊN GIÁC nhiệm màu.

3. Lại có hạng người trừ hết bóng quáng khởi diệt như huyền, được cảnh giới thanh tịnh, bèn chấp ở cảnh tịnh, khiến cảnh tịnh trở thành đối tượng chướng ngại, cho nên ở trong Viên Giác mà không được tự tại. Hạng người như thế, gọi là phạm phu tùy thuận tánh Viên Giác.

Hàng Bồ tát thường bị chướng ngại vì hiểu biết. Dù trừ được cái ngại đó, nhưng còn mắc vào cái ngại giác tri (năng quán) do vậy mà không được tự tại. Hạng người như thế, gọi là Bồ tát chưa đăng địa tùy thuận tánh Viên Giác.

Này, Thanh Tịnh Tuệ ! Có "sở chiếu", "năng chiếu" đều là chướng ngại. Thế cho nên Bồ tát thường Giác mà không trụ ở Giác. Năng chiếu, sở chiếu đồng thời vắng bặt. Ví như người tự cắt đầu, đầu đã đứt rồi mà không có người cắt. Cũng vậy, lấy tâm ngại tự diệt các chướng ngại. Ngại đã diệt hết rồi, không có người diệt ngại. Nhận thức rằng giáo lý của kinh điển ví như ngón tay chỉ trăng, nhìn thấy trăng rồi, ngón tay không phải là trăng. Tất cả Như Lai vận dụng ngôn thuyết khai thị cho Bồ tát cũng như thế đây. Hạng người như vậy, gọi là Bồ tát đăng địa tùy thuận tánh Viên Giác.

Này, Thanh Tịnh Tuệ ! Tất cả chướng ngại là cứu cánh giác. Niệm đúng, niệm sai đều là giải thoát. Pháp tốt, pháp xấu đều là Niết bàn. Trí tuệ ngu si đều là Bát Nhã. Pháp hành của Bồ tát, của ngoại đạo đều là Bồ đề. Vô minh, chơn như xem đồng một thể. Giới, định, tuệ, dâm, nộ, si đều là phạm hạnh. Chúng sanh, quốc độ đồng một pháp tánh. Địa ngục, Thiên cung đều là Tịnh độ. Hữu tình, vô tình đều thành Phật đạo. Tất cả phiền não là rốt ráo giải thoát. Dùng pháp giới hải tuệ thấy rõ thực tướng của các tướng y như hư không. Đây gọi là cảnh giới Như Lai tùy thuận tánh Viên Giác.

4. Này, Thanh Tịnh Tuệ ! Bồ tát và chúng sanh nào ở trong mọi lúc không khởi vọng niệm. Đối với vọng tâm cũng không ngăn dứt. Ở cảnh vọng tưởng không tăng thêm bực bội. Lúc không bực bội không luận bàn chân thực. Những chúng sanh nghe được pháp môn như thế mà tin hiểu, thọ trì, không sanh kinh sợ, đó là người tùy thuận tánh Viên Giác trọn vẹn trên cõi đời.

Các ông phải biết những chúng sanh như thế, là người đã từng cúng dường trăm ngàn muôn ức hằng hà sa chur Phật và đại Bồ tát, là người đã trồng sâu gốc rễ phước đức rồi. Phật nói người như thế quyết định thành tựu nhất thiết chủng trí.

Bấy giờ đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ :

Thanh Tịnh Tuệ nên biết.  
Tánh Bồ đề viên mãn.  
Không lấy cũng không chứng.  
Không Bồ tát chúng sanh.  
Lúc Giác và chưa giác.  
Thứ lớp có sai khác.  
Chúng sanh ngại vì biết.  
Bồ tát ngại vì Quán.  
Đặng địa tròn tịch diệt.  
Không trụ tất cả tướng.  
Đại Giác đều viên mãn.  
Gọi tùy thuận hoàn toàn.  
Hậu thế các chúng sanh.  
Tâm không sanh hư vọng.  
Phật nói người như thế.  
Là Bồ tát hiện đời.  
Cúng dường mười phương Phật.  
Công đức đã tròn đầy.  
Dù có nhiều sai biệt.  
Phương tiện của Như Lai.

--- o0o ---

## TRỰC CHỈ

1. Hiện tượng sanh từ bản thể. Tùy duyên sanh trong bất biến. Cảnh mộng sanh từ cõi thực, khách về chủ ở luôn. Bụi mờ lắng xuống, hư không trường tồn. Vấn đề "mê" "giác" cũng lại như vậy. Ngoài cảnh giới "toàn mê" tất còn có cảnh giới "Viên Giác ". Thế cho nên thực lý mà nói DIỆU TÁNH VIÊN GIÁC vốn không là gì cả. Nó là cái tánh ngoài các thứ tánh chấp ngã chấp pháp, các thứ tánh biến kế, y tha cần viển ly phần còn lại không viển ly được, gọi cái đó là DIỆU TÁNH VIÊN GIÁC vậy thôi.

Kinh nói: "Viên Giác tư tánh phi tánh tánh hữu". DIỆU TÁNH VIÊN GIÁC VỐN LÀ PHI TÁNH.

Tùy thuận tánh Viên Giác đồng nghĩa với tùy thuận pháp tánh. Người tu Viên Giác gọi là xứng tánh khởi tu. Cho nên cảnh giới Viên Giác không phải đối tượng sở chứng. Người tùy thuận Viên Giác không có cái để được. Bởi vì "thật tướng là vô tướng". Do vậy mà khi chứng nhập cảnh giới Viên Giác, không còn thấy có cảnh giới tịch diệt và người được tịch diệt.

2. Chúng sanh thường qua lại rong chơi trong biển đại tịch diệt Như Lai Viên Giác, vậy mà không biết không hay. Cũng như những kẻ sanh manh đang hòa mình trong ánh sáng tươi mát diệu hiền muôn hồng nghìn tía của ngày xuân mà không hề thương thức được cảnh sắc mùa xuân rạng rỡ hữu tình.

Người xưa nói:

"Ồ trong nước chó nhọc công tìm nước.  
Đứng trên non đừng phí sức tìm non".

3. Vấn đề tùy thuận Viên Giác, nói một cách thông thường dễ hiểu là vấn đề chứng đắc. Như Lai Viên Giác Diệu Tánh là tánh bình đẳng, là chân lý phổ biến. Cho nên chúng sanh, Bồ tát, Phật khi tùy thuận Viên Giác rồi thì tất cả bình đẳng không có gì sai khác.

Tuy nhiên, dựa trên công dụng hư vọng diệt trừ huyễn hóa hư vọng, có kẻ diệt người chưa; kẻ diệt nhiều, người diệt ít mà ước định địa vị, giả đặt mỗi địa vị một cái tên:

- Phàm phu tùy thuận Giác tánh.
- Nhị thừa tùy thuận Giác tánh.
- Bồ tát địa tiền tùy thuận Giác tánh.
- Bồ tát đẳng địa tùy thuận Giác tánh.
- Như Lai tùy thuận Giác tánh.

Thế thì quả không sai khác, mà nhơn thì có sai khác. Nhơn đã sai khác thì dựa trên căn tánh và sức tinh tấn của mỗi người mà Như Lai Viên Giác Diệu Tánh dường như có sai khác. Ví như ngọc kim cương vốn

không có nhiều màu, tùy góc đứng của người nhìn ngắm mà màu sắc biến ảo dường như ngọc kim cương thực có nhiều màu.

Phàm phu vừa trừ được huyễn hóa lại đắm mê vào "cảnh tịch tịnh".

Bồ tát địa tiền diệt được "giải ngại" nhưng còn vướng mắc "kiến ngại".

Bồ tát đẳng địa thường giác thường chiếu dùng tâm ngại diệt chướng ngại. Ngại diệt hết rồi không thấy có người diệt ngại, ví như người tự cắt đầu mình... Lại nhận thức rằng: "Tất cả kinh điển như ngón tay chỉ trăng"...

Như Lai thì: tất cả chướng ngại là cứu cánh giác. Phiền não là Bồ đề. Sanh tử tức Niết bàn. Sử dụng Pháp Giới Hải Tuệ nhìn thấy pháp giới trong mười phương như hoa đốm trong hư không loạn khởi loạn diệt. Sanh tử và Niết bàn như mộng sự đêm qua...

4. Phải học Bát nhã, hành Bát nhã và sống trong Bát nhã để đủ sức quán chiếu:

"Tất cả pháp hữu vi.  
Như mộng, huyễn, bóng bọt.  
Như sương như điện xẹt.  
Như vậy mà tư duy".

Tư duy như thế, rồi tự mình nhận định và xác định bằng cái tuệ đích thực của mình. Lúc bấy giờ hành giả có được cái nghị lực phi thường trước mọi biến thiên thành bại của vạn pháp. Hành giả sẽ là con người tự tại đến độ:

"NHƯ NHƯ' BẤT ĐỘNG".

--- o0o ---

**CHƯƠNG BẢY - XA MA THA, TAM MA BÁT ĐỀ VÀ  
THIỆN NA  
LÀ PHÁP HÀNH CĂN BẢN TRONG TOÀN BỘ NỀN GIÁO  
LÝ PHẬT**

--- o0o ---

Lúc bấy giờ Bồ tát Uy Đức Tự Tại đánh lễ dưới chân Phật và chấp tay thưa:

Đấng Đại bi Thế Tôn đã vì chúng con dạy rõ phương pháp tu hành tùy thuận Viên Giác tánh, hàng Bồ tát chúng con giác tâm bừng sáng, không phải tu tập mà được lợi ích lớn lao.

Bạch Thế Tôn ! Ví như đại đô thành, đường đi vào không phải một, tùy hướng mà đến theo sự thuận lợi và ý thích của mỗi người. Bồ tát tu hành trang nghiêm Phật độ có lẽ không phải chỉ có một pháp môn. Cúi xin Như Lai vì chúng con và chúng sanh đời sau dạy cho pháp môn tu hành tiệp tiến, chúng con cần phải làm gì và có bao nhiêu phương cách để vun bồi trí tuệ, hầu tỏ ngộ diệu tánh Viên Giác để rong chơi trong biển đại tịch diệt của Như Lai?

Phật dạy: Này Uy Đức Tự Tại ! Vô thượng diệu giác phổ biến khắp mười phương, sản sanh ra chư Như Lai và tất cả pháp bình đẳng đồng thể. Ở trong đó việc tu hành không có hướng hai, nhưng vì tùy thuận căn cơ chủng tánh mở bày phương tiện nên có vô lượng pháp môn sai khác. Tuy vậy, có thể tóm kết sự sai khác ấy trong ba phương thức tu hành căn bản:

Một, trước hết Bồ tát phải tỏ ngộ và xác định tánh Viên Giác thanh tịnh vốn có của mình. Lấy sự tỏ ngộ ấy làm đối tượng trụ tâm. Từ đó, vọng niệm đứng lặng, tuệ giác phát sanh, nhận biết phiền não nội tâm chỉ là thứ khách trần. Xả bỏ được tính chấp nặng nề, tâm hành giả bèn có được trạng thái khinh an tịch tĩnh. Bấy giờ tâm của chư Phật hiển hiện vào như hình tượng ảnh hiện trong gương. Thực hiện phương thức này thành tựu, gọi đó là pháp môn phương tiện XA MA THA (CHỈ).

Hai, Bồ tát phải tỏ ngộ và xác định tánh Viên Giác thanh tịnh vốn có của mình. Sử dụng giác tâm nhận thức căn trần đều là huyền hóa. Lấy huyền tâm trừ huyền cảnh, lấy huyền trí giải hoá huyền tâm. Bừng tỉnh giác biết rằng thân tâm cảnh giới đều hư huyền. Bấy giờ tâm hành giả được trạng thái khinh ai đại bi. Theo đà phát triển của giác tâm thanh tịnh tăng tiến tu hành trưởng dưỡng quán trí như đất nuôi mạ. Thành tựu hiệu lực như thế, gọi đó là pháp môn phương tiện TAM MA BÁT ĐỀ (QUÁN).

Ba, Bồ tát phải tỏ ngộ và xác định tánh Viên Giác thanh tịnh vốn có của mình. Sử dụng giác tâm trừ chấp. Xóa bỏ cái thấy biết huyền hóa. Xóa bỏ cái nhận thức thanh tịnh của giác tâm. Không để cho ngăn ngại vì cái biết và cái không biết. Vượt qua tất cả các ngại. Thân tâm hiện hữu trên cõi đời mà

Niết bàn và phiền não không trở ngại gì nhau. Ví như tiếng ngân vang của chuông từ chuông mà có, nhưng tiếng và chuông không hề ngăn ngại cho nhau. Lúc bấy giờ hành giả phát ra sự khinh an tịch diệt, tùy thuận diệu tánh Viên Giác. Ở trong cảnh tịch diệt, ý niệm vọng chấp: ta, người, chúng sanh và thọ mạng trở thành phù hư không còn công dụng. Thành tựu được hiệu lực như thế, gọi đó là pháp môn tu tập THIÊN NA (gọi tắt là THIÊN).

Này Uy Đức Tự Tại ! Ba pháp môn đó là những phương thức gần gũi và tùy thuận tánh Viên Giác. Mười phương Như Lai hơn đó mà thành Phật. Mười phương Bồ tát, bao nhiêu phương tiện đồng dị cuối cùng đều y ba phương thức tu hành đó mà người thì chứng ngộ, kẻ được thể nhập Như lai Viên Giác.

Này Uy Đức Tự Tại ! Giả sử có người siêng tu thánh đạo, giáo hoá thành tựu trăm ngàn muôn ức A La Hối, Bích Chi Phật, không bằng người nghe pháp môn Viên Giác thanh tịnh này tùy thuận tu tập trong một sát na!

Bấy giờ đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ:

Uy Đức ông nên biết.  
Viên Giác tâm Vô thượng.  
Bản chất không hai tướng.  
Tùy thuận mở phương tiện.  
Pháp môn có rất nhiều.  
Như Lai tóm kết lại.  
Phương thức có ba điều.  
Tịch tĩnh XA MA THA.  
Như gương in ảnh tượng.  
NHƯ HUYỄN TAM MA ĐỀ.  
Như đất nuôi mọng mạ.  
THIÊN NA sâu tịch diệt.  
Như tiếng ngân và chuông.  
Ba pháp môn màu nhiệm.  
Đều tùy thuận Viên Giác.  
Mười phương các Như Lai.  
Và chư Bồ tát chúng.  
Nhơn đây được thành đạo.  
Ba pháp, tu viên mãn.  
Được cứu cánh Niết bàn.

--- o0o ---

## TRỰC CHỈ

Trong đạo Phật có rất nhiều pháp môn để tu và hành. Tùy hoàn cảnh, căn tánh, hành giả có thể chọn một pháp môn tu thích hợp với mình. Kinh sách Phật có câu: "vô lượng pháp môn tu". Ý nghĩa của câu đó, cho biết rằng, người tu chọn pháp môn nào cũng được đều có thể đạt mục đích được, không nhất thiết bắt buộc phải theo một pháp môn giáo điều cố định nào. Đó là tinh thần phóng khoáng và tánh "tự do" của nền giáo lý Phật. Tuy vậy, trong phóng khoáng tự do vẫn có tiêu chuẩn của tự do phóng khoáng. Xa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề và Thiền na là tiêu chuẩn chung cho "tất cả pháp môn". XA MA THA là Phạn âm Trung Hoa dịch là CHỈ. Chỉ là ngăn dứt vọng tâm chặn đứng loạn tưởng. Tâm con người thường ngày quay cuồng trong cái vòng lẩn quẩn: Mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, muốn... không có phút đứng yên. Tất cả thức đó là nguyên nhân gây ra khổ não. Hành giả vận dụng nội lực cắt bỏ, chặn đứng các thứ vọng tưởng của cái vòng lẩn quẩn ấy để tâm được dừng trụ. Tâm dừng trụ một chỗ, đó là công dụng của pháp tu CHỈ và XA MA THA. Trạng thái dừng trụ yên tĩnh được chiếm nhiều thời gian trong ngày, trong cuộc sống. Đây là bước đầu hành giả được làm quen và là cơ hội để hành giả nhận diện bộ mặt thật của "chơn tâm thường trú" của mình.

TAM MA BÁT ĐỀ Trung Hoa dịch là QUÁN. Quán là vận dụng TRÍ để nhận xét đối tượng. Ví dụ: Cái bàn. Lấy cái bàn làm vật đối tượng để nhận xét.

Ví dụ: "Cái bàn là vật VÔ THƯỜNG". Qua nhận xét bằng TRÍ, hành giả thấy "cái bàn vô thường" là một chân lý.

TRÍ nhận xét thuật ngữ gọi là "năng quán". Cái bàn bị nhận xét, thuật ngữ gọi là "sở quán". Dùng trí năng quán, quán xét biết được đối tượng sở quán (cái bàn) là một vật vô thường.

Đó là cách sử dụng Tam Ma Bát Đề trong tu tập. Dựa trên pháp quán về "cái bàn" ấy, bậc đại trí lợi căn còn suy diễn và đánh giá hiện tượng vạn hữu qua kết luận bao quát bằng sự nhận thức chân lý:

"Tất cả hiện tượng vạn hữu đều vô thường.

Vì chúng là vật chất.

Phàm vật chất đều vô thường.

Ví như cái bàn..."

THIÊN NA là Phạn âm Trung Hoa dịch TĨNH LỰ, có nghĩa là tư duy trong tịch tĩnh. Chữ TĨNH có ý nghĩa như chữ CHỈ. Chữ LỰ có ý nghĩa như chữ QUÁN. Do vậy, THIÊN NA được hiểu đồng nghĩa như CHỈ QUÁN. Cho nên nói đến "TU THIÊN" là nói đến pháp môn CHỈ QUÁN song tu. Thiền là gọi tắt của từ Thiền na ấy.

Tóm lại, XA MA THA, TAM MA BÁT ĐỀ, THIÊN NA, là ba pháp môn: CHỈ, QUÁN và CHỈ QUÁN đồng tu. Đó là ba pháp môn căn bản của tám muôn bốn ngàn pháp môn tu trong đạo Phật. Học Phật, tu Phật mà không biết sử dụng CHỈ, QUÁN hoặc CHỈ QUÁN đồng tu thì quả quyết mà nói thẳng rằng: cách tu đó, bất cứ với dạng thức nào, đều được xem là tu sai lạc, hoàn toàn không đem lại một lợi ích, một kết quả nào. Ví như người thợ làm bánh Trung Thu trong lò bánh không có bột, đường, thịt, hạt, trứng... thì không làm sao có được bánh Trung Thu ngon lành trong thị trường Trung Thu tháng Tám !

--- o0o ---

## **CHƯƠNG TÁM - CHỈ QUÁN THIÊN CÓ THỂ XOAY VÒNG THAY ĐỔI THÀNH 25 CÁCH TRONG TIẾN TRÌNH TU TẬP**

--- o0o ---

Bấy giờ, Biện Âm Bồ tát trước đại chúng, đánh lễ Phật và chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn ! Thế Tôn đã dạy cho đại chúng trong hội này pháp tu CHỈ, QUÁN và THIÊN NA là pháp môn rất hi hữu, nhưng với phương tiện đó, các Bồ tát đã vào cửa Viên Giác rồi, phải tu tập thế nào đối với ba pháp ấy ?

Phật dạy: Như Lai Viên Giác thanh tịnh vốn không phải là đối tượng sở tu. Dựa trên trình độ giác ngộ của chúng sanh và huyễn lực tu tập hợp với khả năng của từng người, bây giờ trên bước đường tu có thể xoay vòng thay đổi trước sau thành hai mươi lăm cách:



1. Nắm giữ cực tĩnh. Do cực tĩnh đoạn hết phiền não, thành tựu rất ráo, không rời đương xứ mà nhận lấy Niết bàn. Đây gọi là pháp đơn tu XA MA THA.
2. Chuyên quán như huyễn. Linh động trong việc độ sanh, hành Bồ tát hạnh mà không mất tĩnh tuệ. Đây gọi là pháp đơn tu TAM MA BÁT ĐỀ.
3. Chuyên trừ diệt các huyễn. Thiên nặng đoạn phiền não, chứng được thật tướng. Đây gọi là pháp đơn tu THIÊN NA.
4. Nắm giữ lấy cực tĩnh và quán chiếu vạn pháp duyên sanh như huyễn. Khởi hạnh tu như thế, gọi là trước tu CHỈ, sau tu QUÁN.
5. Nắm giữ tĩnh tuệ và đoạn trừ phiền não vượt ra sanh tử ưu bi... pháp hành này gọi là trước tu CHỈ, sau tu THIÊN.
6. Trước nắm giữ tĩnh tuệ, kế đến linh động độ sanh như huyễn, sau đoạn trừ phiền não thể nhập tịch diệt cảnh giới. Pháp hành như thế gọi là trước tu CHỈ, giữa tu QUÁN và sau tu THIÊN.
7. Trước giữ lấy cực tĩnh, nhờ vậy đoạn trừ hết phiền não, sau khởi Bồ tát hạnh hoá độ chúng sanh như huyễn. Hành theo pháp này gọi là trước tu CHỈ, giữa tu THIÊN, sau tu QUÁN.
8. Trước giữ lấy cực tĩnh, nhờ vậy tâm đoạn trừ hết phiền não và sau linh động độ sanh xây dựng thế giới. Hành theo pháp này gọi là trước tu CHỈ, sau THIÊN và QUÁN đồng tu.
9. Trước nắm giữ lấy cực tĩnh và linh động độ sanh như huyễn, sau đoạn trừ phiền não. Pháp môn này gọi là trước đồng tu CHỈ, QUÁN và sau tu THIÊN.
10. Do nắm giữ cực tĩnh, mà được tịch diệt trọn vẹn, sau khởi dụng độ sanh, kiến lập thế giới. Hành pháp môn này gọi là trước đồng tu CHỈ và THIÊN, sau tu QUÁN.
11. Tuỳ thuận, linh động hoá độ chúng sanh, sau thu liễm vào nắm giữ lấy cực tĩnh. Hành pháp như thế gọi là trước tu QUÁN, sau tu CHỈ.
12. Do hóa độ chúng sanh mà được tịch diệt hoàn toàn. Hành theo pháp này gọi là trước tu QUÁN, sau tu THIÊN.
13. Linh động làm các Phật sự, mà vẫn an trụ trong tịch tĩnh và đoạn hết phiền não ưu bi. Thành tựu như vậy gọi đó là trước tu QUÁN, giữa tu CHỈ và sau tu THIÊN.
14. Linh động là tất cả việc lợi ích chúng sanh mà vẫn đoạn trừ hết phiền não và an trụ trong cực tĩnh. Thành tựu theo pháp môn này gọi là trước tu QUÁN, giữa tu THIÊN và sau tu CHỈ.
15. Vận dụng phương tiện trong việc độ sanh như huyễn mà vẫn trụ trong cực tĩnh và tịch diệt. Thành tựu kết quả này gọi là trước tu QUÁN, sau đồng tu CHỈ và THIÊN.

16. Linh động khởi dụng độ sanh như huyền và an trụ trong cực tĩnh sau hết đoạn trừ phiền não. Thành tựu pháp môn đó gọi là trước đồng tu QUÁN và CHỈ, sau tu THIỀN.
17. Linh động trong sự nghiệp độ sanh, thường trụ trong tịch diệt mà không rời cực tĩnh. Pháp môn này gọi là trước đồng tu QUÁN và THIỀN, sau tu CHỈ.
18. Nếu do sức tịch diệt mà được thanh tịnh đến cực tĩnh. Thành tựu này gọi là trước tu THIỀN, sau tu CHỈ.
19. Nếu do sức tịch diệt mà khởi công dụng hóa độ chúng sanh như huyền. Đây gọi là trước tu THIỀN, sau tu QUÁN.
20. Nếu do sức tịch diệt mà được cực tĩnh rồi khởi dụng độ sanh. Pháp hành như thế gọi là trước tu THIỀN, giữa tu CHỈ và sau tu QUÁN.
21. Trước do sức tịch diệt, mà khởi dụng hóa độ chúng sanh, sau quay về trụ trong cực tĩnh. Thành tựu này gọi là trước tu THIỀN, giữa tu QUÁN và sau tu CHỈ.
22. Nếu do sức tịch diệt mà đi sâu vào chỗ cực tĩnh, từ cực tĩnh khởi công dụng linh động trong sự nghiệp hộ thế chúng sanh. Thành tựu pháp môn này gọi là trước tu THIỀN, sau đồng tu CHỈ và QUÁN.
23. Nếu do sức tịch diệt mà dẫn đến cực tĩnh rồi khởi dụng lợi ích chúng sanh, theo pháp môn này gọi là trước đồng tu THIỀN và CHỈ, sau tu QUÁN.
24. Nếu do sức tịch diệt dẫn đến khởi công dụng linh động trong việc lợi ích chúng sanh, sau quay về cực tĩnh với trí tuệ trong sáng. Thành tựu pháp môn này gọi là trước đồng tu THIỀN, QUÁN và sau tu CHỈ.
25. Nếu sử dụng tuệ nhãn, nhìn vạn pháp tánh tướng viên dung không rời Viên Giác. Thành tựu pháp môn này gọi là viên tu ba tự tánh, tùy thuận trọn vẹn CHỈ, QUÁN và THIỀN NA.

Này, Biện Âm! Đây là 25 cách xoay vòng thay đổi trước sau, Bồ tát đều có thể theo đó mà tu hành, tùy căn tánh thích hợp tu theo phương thức nào cũng đều đạt đến kết quả trở về với NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM thanh tịnh của chính mình.

Bấy giờ đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ:

Biện Âm ông nên biết.

Tất cả các Bồ tát.

Tuệ thanh tịnh vô ngại.

Đều nương thiền định sanh.

Ấy là Xa Ma Tha.

Tam Ma Đề, Thiên Na.  
Ba pháp tu đốn, tiệm.  
25 cách xoay vòng.  
Mười phương các Như Lai.  
Ba đời người tu tập.  
Hết thấy đều hơn đó.  
Mà được thành Bồ đề.  
Chỉ trừ người đốn giác.  
Bất tùy thuận tiệm tu.  
Tất cả các Bồ tát/  
Và Chúng sanh đời sau.  
Siêng tu theo pháp này.  
Nhờ Phật lực đại bi.  
Niết bàn thường hiện hữu.

--- o0o ---

## TRỰC CHỈ.

CHỈ, QUÁN và THIỀN là ba pháp căn bản trong vô lượng pháp môn tu. theo phương cách tu thông thường, trước phải tu CHỈ, tiếp theo tu QUÁN, sau là CHỈ QUÁN ĐỒNG TU, tức là THIỀN. CHỈ có công dụng như GIỚI. QUÁN có công dụng như ĐỊNH. Và CHỈ QUÁN ĐỒNG TU có công dụng như TUỆ. Công dụng của GIỚI ví như cái bóng đèn. Công dụng của ĐỊNH ví như ngọn đèn đứng yên. Công dụng của TUỆ ví như ánh sáng ngọn đèn tỏa sáng tròn đầy. Do bóng đèn, ngọn đèn đứng yên. Do ngọn đèn đứng yên mới tỏa ra ánh sáng. Ánh sáng tỏa ra soi sáng mọi vật, soi sáng những chỗ cần soi sáng. Vì vậy, cho nên CHỈ, QUÁN và THIỀN lẽ thường phải tu theo thứ tự. Giống như GIỚI, ĐỊNH, TUỆ, tam vô lậu học, cũng tu theo thứ tự. Chúng tánh Tiểu thừa và trong giai đoạn học tu Tiểu thừa đều phải học và tu theo thứ tự như vậy.

Kinh Như Lai Viên Giác, thuộc hệ tư tưởng liễu nghĩa Đại thừa cho nên vượt ngoài khuôn khổ có tánh giáo điều. Người Đại thừa cho rằng sự thực hành thứ tự cố định đó không cần thiết, mà nó còn kèm hãm khả năng "nhảy vọt", hạn chế những phát huy sáng kiến trong tiến trình hành đạo và chứng đạo của con người.

Ở phương tám này, người đọc sẽ thấy rõ tinh thần phóng khoáng của Đại thừa tư tưởng: Rằng "Phật pháp bất định pháp". "Nhất thiết chư pháp vô

phi Phật pháp". "Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác"... Pháp Phật là pháp bất định chứ không cố định. Tất cả các pháp đều là Phật pháp và Phật pháp ở khắp thế gian. Thành Phật không rời thế gian. Cho nên, đỡ chân lên, hạ chân xuống cũng là Phật pháp, khư khư bảo thủ quả vị chứng đắc Bồ đề Niết bàn đã là sai, khư khư chấp chặt thứ tự trước sau của XA MA THA, TAM MA BÁT ĐỀ, THIÊN NA lại càng vô bổ. Vì vậy, CHỈ, QUÁN, và CHỈ QUÁN ĐỒNG TU có thể xoay vòng thay đổi trước sau thành 25 cách trong tiến trình tu tập mà kết quả đem lại ai cũng được: TÙY THUẬN VIÊN GIÁC DIỆU TÁNH giống nhau.

Ở kinh Thủ Lăng Nghiêm thì 25 vị Thánh đệ tử trình bày lên Phật về duyên có và dữ kiện chứng đắc VIÊN THÔNG:

### **I. DỰA TRÊN LỤC CĂN CHỨNG ĐẮC VIÊN THÔNG:**

1. Ông A Na Luật Đà.
2. Ông Quán Thế Âm Bồ tát.
3. Ông Châu Lợi Bàn Đặc.
4. Ông Kiền Phạm Ba Đề.
5. Ông Tất Lãng Già Bà Ta.
6. Ông Tu Bồ Đề.

### **II. DỰA TRÊN LỤC TRẦN CHỨNG ĐẮC VIÊN THÔNG:**

1. Ông Ưu Ba Ni Sa Đà.
2. Ông Kiền Trần Như.
3. Ông Hương Nghiêm Đồng Tử.
4. Ông Dược Vương và Dược Thượng.
5. Ông Bạt Đà Bà La.
6. Ông Ma Ca Ha Diếp.

### **III. DỰA TRÊN LỤC THỨC CHỨNG ĐẮC VIÊN THÔNG:**

1. Ông Xá Lợi Phất.
2. Ông Phổ Hiền Bồ tát.
3. Ông Tôn Đà La Nan Đà.
4. Ông Phú Lô Na.
5. Ông Ưu Ba Ly.
6. Ông Đại Mục Kiền Liên.

### **IV. DỰA TRÊN THẤT ĐẠI CHỨNG ĐẮC VIÊN THÔNG:**

1. Ông Trì Địa Bồ tát.
2. Ông Nguyệt Quang Đồng Tử.
3. Ông Ô Sô Sắc Na.
4. Ông Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử.
5. Ông Hư Không Tạng Bồ tát.
6. Ông Đại Thế Chí Pháp Vương Tử.
7. Ông Di Lạc Bồ tát.

"Quả vị có thấp cao, giải thoát giống nhau không khác mấy.

"Căn trần thức giới thất đại đều là dữ kiện chứng đắc VIÊN THÔNG"

(Xin đọc Thủ Lăng Nghiêm kinh Trục chỉ Đề cương tập II cùng một soạn giả từ trang 77 sẽ được hiểu rõ hơn).

Đọc kinh DUY MA CẬT SỞ THUYẾT TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG, ta thấy chư Bồ tát chứng nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI, minh chứng rõ thêm về Phật pháp là "bất định pháp" và "bất ly thế gian".

Các Bồ tát tiếp cận môi trường dữ kiện khác nhau. Nhưng tất cả cũng đạt đến một mục đích là cùng CHỨNG NHẬP PHÁP MÔN KHÔNG HAI:

1/ Bồ tát Pháp Sư Tại dựa trên SANH và DIỆT.

2/ Bồ tát Đức Thủ :

NGÃ và NGÃ SỞ.

3/ Bồ tát Bất Thuận:

THỌ và BẤT THỌ.

4/ Bồ tát Đức Đảnh:

CÁU và TỊNH.

5/ Bồ tát Thiện Tú :

ĐỘNG TÂM và NIỆM TƯỞNG.

6/ Bồ tát Thiện Nhân:

TƯỚNG NHẤT và TƯỚNG VÔ.

7/ Bồ tát Diệu Tý :

TÂM BỒ TÁT và TÂM THANH VĂN.

8/ Bồ tát Phát Sa:

THIỆN và BẤT THIỆN.

9/ Bồ tát Sư Tử :

TỘI và PHƯỚC.

10/ Bồ tát Sư Tử Ý :

HỮU LẬU và VÔ LẬU.

11/ Bồ tát Tịnh Giải :

HỮU VI và VÔ VI.

12/ Bồ tát Na La Diên:

THẾ GIAN và XUẤT THẾ GIAN.

13/ Bồ tát Thiện Ý :

SANH TỬ và NIẾT BÀN.

14/ Bồ tát Thiện Kiến:

TẬN và BẤT TẬN.

15/ Bồ tát Phổ Thủ :

NGÃ và VÔ NGÃ.

16/ Bồ tát Đẳng Thiên:

MINH và VÔ MINH.

17/ Bồ tát Hỷ Kiến :

SẮC và KHÔNG.

18/ Bồ tát Minh Tướng:

TỨ ĐẠI và SỰ SAI KHÁC CỦA KHÔNG ĐẠI.

19/ Bồ tát Diệu Ý :

NHÃN CĂN và SẮC TRẦN.

20/ Bồ tát Vô Tận Ý

BỒ THÍ và HỒI HƯỚNG NHẤT THIẾT TRÍ.

21/ Bồ tát Thâm Tuệ:

KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC.

22/ Bồ tát Tịnh Căn:

PHẬT, PHÁP và TẶNG.

23/ Bồ tát Tâm Vô Ngại:

THÂN và THÂN DIỆT.

24/ Bồ tát Thượng Thiện:

THÂN, KHẨU, Ý .

25/ Bồ tát Phước Điền:

LÀM PHƯỚC LÀM TỘI, LÀM KHÔNG PHƯỚC KHÔNG TỘI.

26/ Bồ tát Hoa Nghiêm:

Từ BẢN NGÃ KHỞI CHẤP.

27/ Bồ tát Đức Tạng:

Có tướng SỞ ĐẮC.

28/ Bồ tát Nguyệt Thượng:

TỐI và SÁNG.

29/ Bồ tát Bảo Ân Thủ :

Ham mộ NIẾT BÀN nhằm chán THẾ GIAN.

30/ Bồ tát Châu Đảnh:

CHÁNH ĐẠO và TÀ ĐẠO.

31/ Bồ tát Nhạo Thật:

THẬT và KHÔNG THẬT.

32/ Bồ tát Văn Thù :

Dùng Ý phân biệt là sai. Ngôn ngữ luận bàn không đến được.

33/ Cuối cùng Trưởng giả Duy Ma Cật:

Lặng im và lặng im...

(Xin đọc Kinh DUY MA CẬT TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG cùng một soạn giả ).

Tóm lại, CHỈ, QUÁN và CHỈ QUÁN ĐỒNG TU, hành giả có thể hành theo thứ tự cũng đạt đến kết quả "Tùy thuận VIÊN GIÁC DIỆU TÁNH" và xoay vòng thay đổi trước sau thành 25 cách tu cùng đem lại kết quả giống nhau.

Căn, Trần, Thức, Thất đại, dữ kiện khác nhau mà cùng chứng đắc VIÊN THÔNG giống nhau.

Nhận thức khác nhau, môi trường phản tỉnh khác nhau nhưng cùng chứng nhập PHÁP MÔN KHÔNG HAI giống nhau.



## CHƯƠNG CHÍN - CHÚNG NGỘ LIỄU GIÁC LÀ PHÁP CHƯỚNG NGẠI BỔ ĐỀ

--- o0o ---

Bây giờ, Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng trước đại chúng đứng dậy đánh lễ Phật và chấp tay thưa:

Bạch đấng Đại bi Thế Tôn! Như Lai Thế Tôn vì chúng con chỉ dạy rõ về Nhơn Địa tu hành của chư Phật trong hằng sa kiếp, khiến cho đại chúng trong hải hội này được điều chưa từng có, chúng con hết sức thâm cảm vui mừng.

1. Kính bạch Thế Tôn! Tâm Viên Giác vốn thanh tịnh, vậy do duyên có gì lại có nhiễm ô, khiến cho chúng sanh mê mờ không được ngộ nhập. Cúi mong Thế Tôn khai ngộ cho hậu thế chúng sanh mỗi khi lâm ấy ngõ hầu có được đạo nhãn tương lai?

Phật dạy: Tịnh Chư Nghiệp Chướng! Ông hãy thận trọng lưu tâm, nghe cho kỹ điều hệ trọng này. Như Lai sẽ vì ông mà chỉ dạy!

2. Nay Tịnh Chư Nghiệp Chướng! Tất cả chúng sanh từ vô thủy kiếp vì vọng tưởng, khởi chấp nặng sâu về bốn tướng: ngã, nhơn, chúng sanh và thọ mệnh. Bốn tướng đó, vốn không có cái ngã thể chơn thật. Thế mà chúng sanh điên đảo vọng chấp không rời. Từ vọng chấp sanh ra ý niệm ghét thương. Từ ghét thương chồng thêm vọng chấp khác. Vọng lại sanh vọng cứ thế mà nhân lên đến đỉnh cao cứu cánh, vọng thành tham, sân, si, mạn, các nghiệp hữu lậu. Từ đó vọng thấy có luân hồi sanh tử. Người khởi tâm nhằm chán sanh tử lại vọng thấy Niết bàn. Do vậy, chúng sanh không vào được cảnh giới Viên Giác thanh tịnh. Không vào được, không phải cảnh giới Viên Giác ngăn cản không cho mà tại chúng sanh đánh mất tiêu chuẩn, cho nên không đủ điều kiện để vào. Vào hay không do người, Viên Giác thanh tịnh không có tướng vào ra. Nên biết, chúng sanh khởi niệm hay ngưng niệm đều thuộc phạm trù mê muội! Bởi vì tất cả chúng sanh không có tuệ nhãn để cho vô minh sanh khởi từ vô thủy làm chủ tề đời mình, cho nên thân tâm trở thành công cụ biểu hiện của vô minh, khó mà trừ diệt, ví như con người, không ai nở tự giết chế mệnh sống của mình. Vì vậy, nên biết! Có yêu bản ngã thì người ta nuông chiều theo bản ngã. Nếu ai không thuận chiều bèn sanh lòng oán ghét. Lòng yêu ghét lại nuôi lớn vô minh thêm, cho nên tu hành cầu đạo thì nhiều mà ít người thành Phật.

Ngã tướng là thế nào? Ngã tướng là cái tướng mà chúng sanh cho rằng do công tu hành của mình mà mình được CHÚNG. Ví như người thân thể khỏe mạnh, chợt quên lưng mình, chẳng màng để ý mình là ai. Một hôm trái gió trở trời, long y đến châm cứu, người bệnh có cảm nhận "ta" đau. Cho rằng mình được CHÚNG là lúc hành giả tỏ lộ "bản ngã" chấp mắc của mình.

3. Nay, Tịnh Chư Nghiệp Chướng! Khởi tâm cho rằng được CHÚNG là một "ngã tướng". Dù cho "chứng đắc" Vô thượng Bồ đề, Vô thượng Niết bàn cũng đều là một hình thức "ngã tướng" mà thôi.

Nhơn tướng là thế nào? Nhơn tướng là cái tâm NGỘ, cái tâm nhận thức rằng "ngã tướng" là cái không có thật, không nên chấp mắc "ngã tướng". Tâm tỏ ngộ đó chính là "nhơn tướng". Tâm tỏ ngộ đó, dù ngộ Niết bàn viên mãn cũng là bản chất từ ngã tướng, cho nên gọi đó là "nhơn tướng".

Chúng sanh tướng là thế nào? Chúng sanh tướng là cái vượt sâu hơn tướng "chứng" và "ngộ" trên. Nhận thức và phán đoán hai tướng "chứng" và "ngộ" đều phát xuất từ bản chất "ngã tướng" chưa đúng chân lý "ưng vô sở trụ". Chúng sanh tướng ở đây, tức là tướng LIỄU, vì tánh chất LIỄU TRI sâu sắc của nó, đối với quá trình CHÚNG, NGỘ.

Thọ mạng tướng là thế nào? Thọ mạng tướng là cái tâm thanh tịnh sáng soi tinh GIÁC. Tâm tinh GIÁC này sâu thẳm, có khả năng nhận thức cả tánh chất "LIỄU TRI" vi tế thuộc phạm trù "chúng sanh tướng" ở trên. Khả năng nhận thức thẳm sâu đó gọi là GIÁC. Vì vậy, thọ mạng tướng tức là tướng GIÁC vi tế thẳm sâu, ví như mạng căn trong một con người.

Tâm "tĩnh giác" sáng soi dù vi tế cũng vẫn chưa rời trần cấu. Bởi lẽ còn "giác" thì còn có "năng giác" "sở giác" hiển nhiên. Phải học cách tư duy chân lý, như người nhìn cảnh tượng băng tan trong vạc nước sôi. Băng tan hết rồi, không còn gì lưu lại. Nếu còn sót lại ý niệm biết băng tan, ý niệm đó còn lệch lạc chưa viên dung vào thực tướng. Tánh GIÁC để nhận biết CHÚNG, NGỘ, LIỄU là chưa phải chân lý, nhưng tánh Giác đó vẫn chưa hòa tan cùng chân lý. Vì vậy GIÁC là thọ mạng tướng trong tứ tướng. Nó vẫn là pháp chướng ngại khiến cho con người cần khổ tu hành nhiều kiếp mà không được thành Thánh quả. Vì nhận "ngã" là Niết bàn, vì cho rằng có CHÚNG có NGỘ, ví như người nhận giác làm con, của cải trong nhà sẽ bị mất hết. Bởi vì có ái "ngã" thì cũng ái "Niết bàn", bởi vì Niết bàn do trừ diệt gốc "ái" mà hiển hiện. Ghét "ngã" thì cũng ghét sanh tử. Ghét sanh tử cũng không gọi là giải thoát. Chúng sanh không biết nguồn gốc sanh tử chính là

"ái". Vì vậy, trong quá trình tu tập được thanh tịnh chút ít cho là "chứng đắc". Điều đó nói lên cái chất "ngã tướng" chưa được dứt trừ. Vì thế, cho nên nếu có ai khen thì vui mừng phấn khởi, nếu bị bài báng thì giận dữ hận thù. Dựa trên tâm lý và hành động ấy mà biết rằng "ngã tướng" của người này còn tiềm phục trong tàng thức, du hí qua các căn không lúc nào gián đoạn.

Này, Tịnh Chư Nghiệp Chướng! Người hành đạo mà không dứt trừ "ngã tướng"... thì không thể vào được biển Viên Giác tịch diệt Như Lai. Nếu người tỏ ngộ "ngã" vốn không thì sẽ không còn thấy người huỷ báng mạ nhục mình. Bằng ngược lại, thấy rằng ta là bậc tôn sư, là người thuyết pháp tế độ chúng sanh thì biết người đó chưa đoạn trừ "ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng".

Tịnh Chư Nghiệp Chướng! Những người tu hành hậu thế thuyết bệnh mà cho là thuyết pháp. Cho nên Phật gọi là những kẻ đáng thương. Dù siêng năng tu hành khó nhọc, nhưng chỉ làm tăng thêm bệnh không thể vào được biển Giác thanh tịnh Như Lai.

Người tu hành không hiểu rõ tứ tướng, lấy kiến giải và pháp tu hành của Như Lai làm của mình, cho nên tu mãi mà chẳng được gì! Hoặc có hạng người chưa được nói được, chưa chứng nói chứng, thấy ai tu hành thắng tấn sanh tâm ganh ghét tị hiềm. Hạng người này cùng trong số chưa đoạn trừ "ngã ái" không thể vào nhà Viên Giác thanh tịnh.

Này, Tịnh Chư Nghiệp Chướng! Chúng sanh đời sau mong cầu chứng đắc mà không mong cầu tỏ ngộ chân lý, tu hành như thế chỉ tăng trưởng ngã mạn chông chát cao thêm "ngã kiến". Riêng hạng người siêng năng hàng phục phiền não, khởi tâm đại dũng mãnh, chưa chứng khiến chứng, chưa đắc khiến đắc, chưa đoạn khiến đoạn, tham, sân, si, mạn... đối cảnh tâm không sanh ta, người, ân, oán tất cả đều vắng lặng, Phật nói người đó lần lần sẽ được thành tựu Bồ đề Niết bàn vô thượng.

Này, Tịnh Chư Nghiệp Chướng! Thiện tri thức là một trợ duyên trong đường tu tập. Tìm thiện tri thức phải tránh xa người tà kiến. Trong việc tìm cầu mà có xen tâm yêu ghét thì không thể vào được biển Viên Giác thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ:

Tịnh Nghiệp! ông nên biết.

Tất cả các chúng sanh.  
Đều do chấp ngã ái.  
Vô thi vọng luân hồi.  
Vì chưa trừ tứ tướng.  
Không được thành Bồ đề.  
Tâm thương ghét còn sanh.  
Niệm lọc lừa chưa dứt.  
Thì còn nhiều mê muội.  
Khó vào đến Giác thành.  
Muốn quay về bản giác.  
Trước bỏ tham sân si.  
Tâm ái pháp không còn.  
Lần lần bèn thành tựu.  
Thân ta còn không có.  
Thương ghét chỗ nào sanh  
Thiện hữu với người này.  
Sẽ không rơi tà kiến.  
Tâm nếu còn thương ghét.  
Quả giải thoát xa vời.

--- o0o ---

## TRỰC CHỈ

### 1. "Tâm Viên Giác vốn thanh tịnh, duyên có gì lại có nhiễm ô"?

Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng nêu câu hỏi giá trị vô cùng. Một câu hỏi đem lại lợi ích lớn lao cho chúng sanh hậu thế. Là đệ tử Phật, muốn đi con đường giải thoát giác ngộ, theo vết chân Phật phải hết sức quan tâm, để một lần nữa xác định rằng: Tâm Viên Giác của tất cả chúng sanh cũng như tâm Viên Giác của chư Phật xưa nay vốn thanh tịnh. Vấn đề quan tâm ở đây là vấn đề "nhiễm ô" và duyên có "nhiễm ô".

Tư duy câu hỏi, ta thấy Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng dụng ý vạch ra hai con đường cho người tu hành hậu thế: Hoặc các vị sẽ thắng, hoặc các vị bị thua, sau khi nghe Phật giải đáp. Ngoài ra không còn con đường nào khác. Khắc phục triệt tiêu được "duyên có" sẽ thắng. Không khắc phục triệt tiêu được "duyên có" sẽ bị thua, thì dù có cần khổ tu hành mà vẫn không thành Phật đạo.

Vấn đề nhiễm ô có thiên hình vạn trạng. Có thứ nhiễm ô hạ thấp con người khiến cho rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Có thứ nhiễm ô khiến cho con người không còn phẩm chất, tư cách, đạo đức giá trị của con người, làm mất hết lẽ sống hạnh phúc của con người. Có thứ nhiễm ô "chướng đạo" làm cho con người dù có ý chí cao thượng muốn vượt rasanh tử tầm thường, gắng công cần khổ tu hành mà không thành tựu như mong muốn.

2. Tất cả nhiễm ô, có nhiều, có ít, có nặng, có nhẹ khác nhau, theo lời Phật dạy thì nó phát xuất từ căn bản ở một chữ "CHẤP". Tất cả chúng sanh từ vô thủy kiếp, vì vọng tưởng mà khởi CHẤP nặng sâu về bốn thứ. Đó là NGÃ TƯỞNG, NHƠN TƯỞNG, CHÚNG SANH TƯỞNG và THỌ MỆNH TƯỞNG.

Chấp có hai cách:

Một, chấp cụ thể. Lối chấp này biểu hiện qua các thứ nghi lễ, các tập quán lâu đời, xưa bày nay làm, dù nghi lễ tập quán đó phản tiến hóa đối với nhơn loại và phi chân lý.

Hai, chấp trừu tượng. Đây là lối chấp phát khởi từ tâm lý, từ khái niệm: Tin tưởng ở thần thánh vu vơ, tin có đấng thiêng liêng có quyền uy ban phước cho người này, giáng họa cho kẻ nọ. Chấp có QUẢ BỔ ĐỀ TA SẼ CHÚNG. Có CẢNH NIẾT BÀN TA SẼ NHẬP...

Tất cả kiến chấp như vậy đều phát sanh từ vọng tưởng sai lầm mà căn nguyên là "NGÃ TƯỞNG".

Từ cái TÔI, khởi niệm VÌ TÔI, CHO TÔI CỦA TÔI đó là biểu hiện NGÃ TƯỞNG lộ diện xuất đầu. Ý niệm về TÔI đã khởi thì ngay nơi đó đã vướng mắc đủ cả bốn tướng: NGÃ, NHƠN, CHÚNG SANH và THỌ MỆNH. Bởi vì bốn tướng đó không thể tách rời ra.

Khởi niệm CHÚNG ĐẮC là vướng mắc vào NGÃ TƯỞNG rồi.

NGỘ, LIỄU, GIÁC ba tầng lý trí nhận xét phê phán và phủ định ý niệm CHÚNG ĐẮC ban đầu. Dù vậy, chúng vẫn chưa ly ngã tướng, cho nên chúng trở thành đối tượng của ngã tướng mà thôi.

Lục Tổ Huệ Năng bảo: Khởi niệm THƯỜNG là đã mắc vào "ngã tướng"... Mong khởi ý niệm THIÊN vẫn mắc vào "ngã tướng".

3. Văn nhi tu, tu nhi tu, phải học đạo rồi mới hành đạo. Không học đạo mà hành đạo, ví như lái phi cơ mà không có la bàn định hướng, có thể bay xa bay nhiều giờ mà không đến đích. Phải "ngộ" đạo rồi mới có ngày thành tựu đạo. Chúng sanh mong cầu "chứng đạo" mà không cầu tỏ "ngộ" chân lý là một sai lầm trầm trọng, cho nên tu thì nhiều mà ít có người thành Phật.

Diệt trừ bốn tướng chấp. Đối cảnh không động tâm. Phật nói người như thế không lâu sẽ đạt đến Bồ đề Niết bàn Vô thượng.

--- o0o ---

## **CHƯƠNG MƯỜI - TÁC NHẠM CHỈ DIỆT LÀ BÓN CĂN BỆNH TRỞ NGẠI TIẾN TRÌNH VỀ NHÀ NHƯ LAI VIÊN GIÁC**

--- o0o ---

1. Bấy giờ, Phổ Giác Bồ tát trước đại chúng đánh lễ Phật, quỳ gối chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh đời sau cách Phật ngày xa, hiện thành ân dật, tà giáo xuất đầu, vậy phải cầu học với hạng người nào? Nương pháp chi? Hành những hạnh gì? Trừ bỏ những gì là bệnh? Và phát tâm như thế nào, khiến cho những người chưa có mắt tuệ khỏi rơi vào tà kiến?

Thưa hỏi xong, Bồ tát Phổ Giác ngũ thể lễ sát đất rồi trở về bản vị.

Phật dạy: Phổ Giác ! Ông khéo hỏi Như Lai những điều tế nhị có thể khiến cho chúng sanh có được đạo nhãn vô úy ở đời sau.

2. Nay, Phổ Giác ! Chúng sanh đời sau muốn phát ý Đại thừa tâm cầu thiện tri thức và muốn tu hành thì phải tìm người chánh tri kiến, tâm không trụ chấp các tướng, không vướng mắc trong tư tưởng của hàng Thanh Văn, Duyên Giác, bề ngoài thì biểu hiện trần lao nhưng tâm hằng thanh tịnh, giả hiện các lỗi lầm mà luôn ngợi khen phạm hạnh, không xúi giục người sống trái luật nghi. Cầu học với những người đó thì không lâu sẽ thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Chúng sanh đời sau gặp được những người như thế, phải nên cúng dường cho đến không tiếc thân mạng.

3. Nay, Phổ Giác! Người thiện tri thức ấy, đối với pháp sở chứng đã tự viên ly bốn bệnh rồi !

Bốn bệnh là những gì ?

Một, bệnh TÁC. Giả như có người nói: vì cầu Viên Giác, tôi phải LÀM, phải phấn đấu phát tâm chuyên tu khổ hạnh, phải ít ngủ bớt ăn... nhưng chánh nhơn để vào nhà Viên Giác không phải do "làm" mà được. Vì vậy, gọi TÁC là một chứng bệnh.

Hai, bệnh NHẬM. Giả như có người nói: Tôi không cần đoạn trừ sanh tử, cũng chẳng mong chứng được Niết bàn. Niết bàn và sanh tử không cần phải mong muốn hay đoạn trừ. Cứ MẶC KỆ BUÔNG TRÔI theo dòng pháp tánh... nhưng tánh Viên Giác không phải là tánh "mặc kệ buông trôi". Vì vậy, gọi NHẬM là một chứng bệnh.

Ba, bệnh CHỈ. Giả sử có người nói: Trên đường tu hành, tôi chỉ cần NGỪNG BẶC niệm lự để hợp với tánh tịch nhiên của Viên Giác. Ý tưởng đó không đúng, vì tánh Viên Giác không phải là tánh "ngưng bặc". Vì vậy, gọi CHỈ là một chứng bệnh.

Bốn, bệnh DIỆT. Giả sử có người nói: Tôi nay đoạn trừ tất cả phiền não, thân tâm, căn trần. Vì tất cả là cảnh giới hư vọng cần phải đoạn DIỆT, nhưng Viên Giác không phải là tướng "đoạn diệt". Vì vậy cho nên gọi DIỆT là một chứng bệnh.

Trên đường tu cần phải xa rời bốn chứng bệnh như vậy. Xa rời bốn bệnh tức là xa rời những cái nhân "phi nhân" không phù hợp chân lý.

4. Nay, Phổ Giác ! Chúng sanh đời sau muốn tu hành phải hết lòng cúng dường phụng sự gần gũi người thiện tri thức của mình. Ở gần thì một lòng kính trọng, ở xa phải luôn nhớ những ý tốt lời lành. Nếu người có biểu lộ những cảnh bằng lòng hoặc trái ý hãy quán niệm như chẳng có gì, thân tâm của mình, của mọi người đều đồng thể bình đẳng. Nên nhớ, chúng sanh không được thành đạo do có những quan niệm thương, ghét, ta, người, hơn, thua, tốt, xấu... Nếu có người xem oan gia như cha mẹ không có ý tưởng hại; ân oán bình đẳng không khởi tâm thương ghét, Như Lai nói người như thế, không bao lâu sẽ vào đền nhà Viên Giác.

Nay, Phổ Giác ! Chúng sanh đời sau muốn cầu Viên Giác phải phát lời thệ nguyện:

"Tất cả chúng sanh, cùng tận thế giới hư không, tôi đều phụng sự khiến cho họ được vào nhà Như Lai Viên Giác và chừa bỏ tất cả ý niệm triền phược bỉ thử ngã nhơn..."

Người phát tâm tu hành như vậy sẽ không rơi vào tà kiến.

Bấy giờ, đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ:

Phổ giác ông nên biết.  
Hậu thế các chúng sanh.  
Muốn cầu thiện tri thức.  
Nên cầu người chánh kiến.  
Tâm không ở Nhị thừa.  
Pháp hành ly bốn bệnh.  
Là TÁC, NHẬM, CHỈ  
Ở?àn thì tôn kính.  
Cách biệt nhớ lời răn.  
Khi thấy hiện tướng gì.  
Nên sanh lòng hi hữu.  
Kính như Phật tại thế.  
Không phạm các oai nghi.  
Giới căn đều thanh tịnh.  
Độ tất cả chúng sanh.  
Trộn vào nhà Viên Giác.  
Bỉ thử ngã nhơn tướng.  
Dùng tuệ giác chiếu soi.  
Đường tu y chánh pháp.  
Tà kiến khỏi rơi vào.  
Ngày về nhà Viên Giác/  
Niết bàn bên gần kê.

--- o0o ---

## TRỰC CHỈ

1. NGÃ, NHƠN, CHÚNG SANH, THỌ MỆNH là bốn chứng bệnh chướng ngại Bồ đề. TÁC, NHẬM, CHỈ, DIỆT lại là bốn chứng bệnh cắt đứt con đường Niết bàn. Ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mệnh, phát sanh từ nơi "chấp". Tác, nhậm, chỉ, diệt lại cũng phát sanh từ nơi "chấp". Ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mệnh phát sanh từ nơi "chấp ngã tướng". Tác, nhậm, chỉ, diệt phát sanh từ nơi "chấp pháp tu". Dù chấp "ngã tướng" hay chấp "pháp



tu" căn nguyên vẫn là chấp. Trên đường tu Phật, chấp là điều cấm kị; ứng đầu trong những gì cấm kị/li>

2. Trên đường tu Thiện tri thức rất là quan trọng. Thiện tri thức có ba hạng. Giáo thọ Thiện tri thức tức là bậc thầy dẫn dắt, giảng dạy chánh pháp cho ta. Đồng hạnh Thiện tri thức là những người cùng một lý tưởng cùng pháp chí tu hành cùng mong cầu giải thoát giác ngộ. Ngoại hộ Thiện tri thức là những người bảo hộ cho ta được yên ổn được có đủ điều kiện tốt để ta hành đạo. Ba hạng người đó là Thiện tri thức của ta. Tuy nhiên, những người đó phải là người "chánh tri kiến", người không vướng mắc các Tướng, người không có tư tưởng cục bộ Tiểu thừa. Người Thiện tri thức của ta phải là người Đại thừa phóng khoáng. Bề ngoài như tùy thuận trần lao mà tâm thường viễn ly và thanh tịnh. Giả hiện các lỗi lầm mà luôn luôn ngợi khen phạm hạnh. Không hưởng ứng và tùy hỷ với những người có hành động trái phạm luật nghi. Người Thiện tri thức như thế đối với pháp sở chứng đã viễn ly bốn bện. Phải nên tôn trọng cúng dường người Thiện tri thức như vậy cho đến không tiếc thân mạng.

3. Một, bệnh TÁC, chữ TÁC có nghĩa là làm. Làm có vẻ tích cực nhưng việc làm không đúng chánh nhân giải thoát.

Thực ra tu hành cốt yếu là đoạn phiền não, diệt vô minh, vun bồi trí tuệ để nhận thức chân lý, để sống hợp chân lý, để có giác ngộ giải thoát và để tự mình thọ dụng sự giải thoát giác ngộ đó trong cuộc sống hiện tại cũng như mãi mãi ở tương lai. Mục đích của chư Phật ba đời đều như vậy cả. Ở người bệnh "tác" thì trái lại, họ dụng ý bày vẽ: Nay lập đạo tràng này, mai ấn định nghi thức nọ. Trì luyện canh khuya, khăn cầu suốt tốt. E? xác hành thân... Làm như thế chỉ khổ công mà vô ích. Người tu hành như thế gọi là người mắc phải chứng bệnh TÁC.

Hai bệnh NHẬM. "Nhậm" có nghĩa là buông trôi không làm gì hết. Sống với dáng vẻ thờ ơ, thờ ơ, mặc cho thế cuộc...

Người tu hành là tinh tấn cần cù với tất cả thiện nghiệp lợi ích cho đời cho tất cả chúng sanh. Nhưng khác hơn người thường là làm mà không thấy mình làm. Làm với tâm thành "ưng vô sở trụ" chứ không phải làm như kẻ ăn sổi ở thì hững hờ với thế cuộc.

Không làm gì hết, thờ ơ buông trôi, không phải là thiện. Không làm gì hết mà hy vọng chứng đắc Bồ đề Niết bàn, thể nhập Như Lai Viên Giác

Diệu Tâm, rõ là hạng người tham lam mà không đếm xỉa gì lý trí, vì vậy gọi NHẬM là một chứng bệnh.

Ba, bệnh CHỈ. "CHỈ" có nghĩa là chặn đứng là ngưng bặc, diệt hết ý niệm tư duy.

Người tu hành phải là người giàu tư duy và rất cần trí tuệ để tư duy nhận thức chân lý. "Chánh tư duy" là một trong tám con đường chánh. Tư duy không phải là vọng tưởng. Người nhiều vọng tưởng không phải là người giàu tư duy. Ngưng bặc chánh tư duy, con người trở thành vật vô tri vô giác như hình nộm, như tượng đất ích lợi cho ai ! Lợi cho đời còn không có, còn mong gì thành tựu đạo quả, vì vậy CHỈ là một thứ bệnh chướng ngại Bồ đề Niết bàn.

Bốn bệnh DIỆT. "DIỆT" có nghĩa là triệt tiêu, hủy diệt hết.

Đức Thế Tôn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề chính là lúc "tam minh" ở trong Ngài hiển hiện. Trí tuệ của đức Thế Tôn lúc bấy giờ bùng tỏ rạng, mà người đời gọi là rực ánh hào quang. Từ Bồ đề thọ hạ cho đến Ta La song thọ nhập Niết bàn, đức Phật không có lúc nào không sử dụng tuệ giác để làm lợi ích cho chúng sanh, bằng sự nghiệp giáo hóa suốt 49 năm của đời Ngài. Nhìn tấm gương sáng, rực ánh hào quang của đức Phật, thì ra đức Phật chẳng có lúc nào "diệt" tư duy và trí tuệ. Căn, trần không có lỗi, dụng công "diệt" nó để làm gì. Và lại có muốn diệt cũng không sao diệt được. Vô minh huyền vọng, không vọng chẳng tìm có vô minh. Diệt thân tâm lại trở thành kẻ điên cuồng tự sát ! Vì vậy, kẻ tu hành dụng ý "diệt" vô tình lại mang thêm chứng bệnh, khiến cho đường thẳng Niết bàn bị cắt đứt không thể tiến lên.

4. Diệt trừ bốn tướng, xa lánh bốn bệnh, oán thân bình đẳng, rửa sạch thị phi Phật nói người như thế không lâu sẽ đến nhà Như Lai Viên Giác.

--- o0o ---

## **CHƯƠNG MƯỜI MỘT - XA MA THA TAM MA BÁT ĐỀ VÀ THIÊN NA TRONG BƯỚC ĐƯỜNG TU TẬP**

--- o0o ---

Bấy giờ, Viên Giác Bồ tát trước đại chúng đánh lễ Phật và chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn ! Đại chúng trong hải hội đã được Phật chỉ dạy rõ con đường trở về nhà Viên Giác. Những người sơ cơ hậu thế, đã tỏ ngộ Như Lai Viên Giác Diệu Tâm rồi, đối với ba pháp Xa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề và Thiền Na phải tu pháp nào trước? Cúi mong Như Lai vì chúng sanh hậu thế dạy rõ khiến cho họ được gọi nhuần mưa pháp !

1. Phật dạy: Này Viên Giác ! Phật còn trụ thế hay đã nhập Niết bàn, những chúng sanh có chủng tánh Đại thừa, tin NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM là kho tàng bí mật của chư Phật thì có thể ở chốn tông lâm trụ nơi am tự hoặc ở tại gia y theo ba pháp, trước sau thay đổi thành 25 cách như Thế Tôn đã dạy thì kết quả không có gì sai khác. Nếu có duyên có thì có thể kiến lập chỗ tu riêng, định kỳ hạn 120 ngày, 100 ngày hoặc 80 ngày tùy ý. Tư duy chơn chánh, quán niệm chơn chánh là nền tảng trong vô lượng pháp môn tu dù Phật tại thế hay đã Niết bàn, người quán niệm tư duy đúng pháp thì sẽ có kết quả khinh an giải thoát. Khởi ý tiến tu, phải y cứ Đại thừa, hành tịch diệt hạnh, lấy Đại Viên Giác làm đối tượng sở quy và quán chiếu thật tướng trên lộ trình cầu tiến. Thân tâm hướng vào bình đẳng tánh trí, phải xác định tự tánh Niết bàn không lúc nào tách rời cuộc sống thực tại.

Người phát khởi ý hướng Đại thừa tu tập Viên Giác, an trụ chỗ nào thì chỗ đó được xem như cảnh già lam.

2. Này Viên Giác ! Nếu tùy theo tâm tánh của đa số thì có thể tu pháp Xa Ma Tha trước, Xa Ma Tha có công dụng chặn đứng vọng tưởng đem lại cho hành giả một trạng thái "tịch tĩnh" khinh an. Từ trạng thái tịch tĩnh khinh an có thể phát sanh tuệ giác để nhận thức chân lý trên đường tu tập tiếp theo.

Nếu người tâm nhiều vọng động cần tu Tam Ma Bát Đề trước, vì có đối tượng sở quán, họ mới dễ được tĩnh tâm.

Hai pháp môn "Chỉ" "Quán" trên nếu chưa thích hợp, thì hành giả có thể tu tập "Thiền". Thiền là pháp tu tư duy, tùy thuộc căn tánh sở thích. Nếu pháp đối tượng tư duy không thích hợp thì lâu có kết quả hoặc không đem lại kết quả thậm chí phản tác động, có hại, người tu cần thận trọng lưu tâm ! Tư duy "đếm hơi thở" là pháp phổ thông cho mọi người ham mộ pháp môn Thiền trên bước đường sơ cơ tu tập.

Chọn một trong ba pháp, pháp nào cũng có thể đem lại sự khinh an giải thoát, vấn đề trước sau không có gì trở ngại. Riêng hạng người ba pháp tu cùng một lúc thành tựu viên mãn, thì đó là hình ảnh của Như Lai xuất hiện trên cõi đời.

Bấy giờ, đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ:

Viên Giác ông nên biết.  
Tất cả các chúng sanh.  
Muốn cầu vô thượng đạo.  
Có thể lập định kỳ.  
Tu tập chánh tư duy.  
Xa Ma Tha "Chỉ tức".  
Tam Ma Đề "Quán niệm".  
Thiền Na "Sô tức môn".  
"Tam tịnh quán" đồng thời.  
Chuyên cần tu viên mãn.  
Là Phật hiện ra đời.  
Người độn căn tiêu trí.  
Sám hối nghiệp lậu xưa.  
Các chướng diệt hết rồi.  
Cảnh Phật bèn hiển hiện.

--- o0o ---

## TRỰC CHỈ

1. Pháp CHỈ, QUÁN và THIÊN NA có thể thay đổi trước sau thành 25 cách như lời Phật dạy ở chương tám trước kia. Tùy người, tùy hoàn cảnh có thể thay đổi, nhưng nếu sự tu hành thanh tịnh như nhau thì kết quả ngang nhau không hơn kém. Vấn đề quyết định trước hết phải là người chủng tánh Đại thừa, tin sâu và xác định NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM là tâm tánh vốn có của mình.

Về chỗ ở để tu không quan trọng, mà quan trọng ở chủng tánh, ở trí tuệ sáng suốt quyết định lòng tin hiểu đối với chân lý với NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM. Ở chùa tu cũng được, ở tại gia tu cũng được, lập riêng một chỗ nào đó ở tu cũng được. Sức tinh tấn và thanh tịnh ngang nhau thì quả giải thoát giác ngộ bằng nhau. Ấn định kỳ hạn 80 ngày cũng được 120 ngày cũng được, điều đó do hoàn cảnh và khả năng phát nguyện của mỗi người. Vấn đề then chốt vẫn là: Phát ý Đại thừa. Lấy Như Lai Viên Giác làm đối tượng quay về.

2. Theo tâm lý thông thường thì nhiều người thích hợp với pháp tu "Chỉ" trước, rồi kế đó tu "Quán". Tuy vậy, cũng có người nhờ vận dụng "Quán" trước thì "Chỉ" mới tỉnh được. Như trên đã nói, việc đó tùy người. Chỉ, quán

mà chưa điều phục được vọng tâm thì tu Thiền Na áp dụng phương pháp phổ thông cơ bản là "sổ tức quán", theo dõi hơi thở và đếm hơi thở ra vào. Pháp môn này là một phương tiện cột tâm rất hữu hiệu.

Những bậc cao tăng uyên thâm đạo vị, các Ngài thường sử dụng cả ba pháp trong cuộc sống hằng ngày mà không có khởi ý dụng công. Nếu người an trú trong CHỈ, QUÁN và THIỀN NA không xen tạp tưởng, Phật nói đó là hình ảnh Như Lai xuất hiện ở cõi đời.

--- o0o ---

## **CHƯƠNG MƯỜI HAI - BIÊN CẢ DUNG CHỨA NƯỚC HẾT THẤY SÔNG NGÒI KHE LẠCH VIÊN GIÁC ĐẠI THỪA GIÁO LỢI ÍCH KHẮP CĂN CỐ**

--- o0o ---

Bấy giờ Hiền Thiện Thủ Bồ tát trước đại chúng đánh lễ Phật chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn ! Đại chúng trong hội này được nghe Thế Tôn dạy cho giáo lý bất tư nghi như thế, khiến cho hoa lòng bùng nở, tuệ nhãn được sáng trong. Chúng con muốn biết Đại thừa kinh giáo này, tên gọi là chi? Chúng con phải phụng trì như thế nào? Chúng sanh nương kinh này tu tập, công đức sẽ ra sao và những người truyền bá kinh này được lợi ích như thế nào? Cúi mong Như Lai Thế Tôn vì chúng con dạy bảo.

Phật dạy: Hiền Thiện Thủ! Ông vì chúng sanh hậu thế mà thưa hỏi Như Lai. Những điều ông hỏi rất có ý nghĩa cần cho sự hiểu biết, mở được mỗi nghi ngờ cho nhiều người mặt thế. Vậy ông hãy lóng ý mà nghe Như Lai sẽ vì các ông mà nói.

Này, Hiền Thiện Thủ! Kinh này trăm ngàn muôn ức hằng sa chư Phật nói ra và ba đời các Như Lai đều bảo hộ, mười phương Bồ tát làm chỗ quy y, là con mắt trong sáng của mười hai bộ kinh trong toàn bộ giáo lý Phật.

Kinh này có thể gọi nhiều tên.

- Đại Phương Quảng Viên Giác Đà La Ni.
- Tu Đà La Liễu Nghĩa.
- Bí Mật Vương Tam Muội.

- Như Lai Quyết Định Cảnh Giới.
- Như Lai Tàng Tự Tánh Sai Biệt.

Bồ tát và Chúng sanh đời sau nương theo danh tự đó mà phụng trì.

Này, Hiền Thiện Thủ ! Kinh này dạy rõ về cảnh giới của chư Phật, cho nên chỉ có Phật mới tuyên thuyết trọn nghĩa. Các Bồ tát và chúng sanh đời sau y theo kinh này tu hành lần lần tiến đến địa vị Phật.

Kinh này thuộc về "Đốn Giáo Đại Thừa". Những chúng sanh căn cơ Viên Đốn, từ kinh này mà mở mang tuệ nhãn, tỏ ngộ chân lý Đại thừa, nắm vững và thành thạo tất cả pháp môn tu tập khác. Ví như biển cả dung chứa nước hết thấy sông ngòi khe lạch. Sức uống của thần A Tu La còn chưa thấy kém voi, sá gì sự nhắm nhí của những muỗi mòng bé nhỏ.

Này, Hiền Thiện Thủ ! Giả sử có người đem thất bảo nhập đầy cõi tam thiên đại thiên làm việc bố thí, phước đức không bằng người nghe một câu một đoạn nghĩa lý của kinh này. Giả sử có người giáo hóa chúng sanh chứng được. A La Hán quả nhiều như số cát sông Hằng, không bằng người tuyên nói giảng giải kinh này chừng nửa bài kệ.

Hiền Thiện Thủ! Nếu có người nghe tên kinh này mà lòng tin không tin không nghi hoặc, phải biết người đó không phải trồng căn lành ở một, hai, ba, bốn, năm đức Phật mà đã trồng căn lành và đã từng nghe kinh này trong hằng hà sa số Phật rồi.

Bồ tát các ông nên bảo hộ những người tu hành ở đời sau, đừng để cho những ác ma và ngoại đạo não hại thân tâm làm cho nãn lòng thối chí.

Bấy giờ chúng hội có Hỏa Thủ Kim Cang, Tội Phá Kim Cang, Ni Lam Bà Kim Cang... cả tám vạn thần Kim Cang và quyến thuộc, đánh lễ Phật, đi nhiễu ba vòng và bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh đời sau, người nào thọ trì kinh điển Quyết Định Đại Thừa này, chúng con sẽ giữ gìn bảo hộ cho họ như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Chúng con cũng bảo hộ chỗ ở của người tu hành túc trực ngày đêm, khiến cho bốn mạng bình an, sung mãn trong cuộc sống để họ vững bước tiến tu.

Lại có Đại Phạm Thiên Vương, Tu Di Sơn Vương, Hộ Quốc Thiên Vương... và Đại Lực Quỷ Vương cùng với mười vạn quỷ vương quyền thuộc đồng chấp tay đi quanh Phật ba vòng đồng thanh tác bạch:

Bạch Thế Tôn ! Chúng con nguyện bảo hộ người thọ trì tu tập kinh này, ngày đêm liên tục, khiến cho chỗ ở được an ổn, trong phạm vi bao quát một do tuần, nếu có quỷ thần nào xâm phạm, chúng con sẽ khiến cho thân thể chúng biến thành tro bụi.

Phật nói xong thời pháp, tất cả thiên long, quỷ thần, bát bộ quyền thuộc và các Thiên Vương, Phạm Thiên Vương... cùng toàn thể đại chúng rất vui mừng tin nhận y giáo phụng hành.

---o0o---

## TRỰC CHỈ

Phật dạy cho Bồ tát Hiền Thiện Thủ: "Kinh này trăm ngàn muôn ức hằng hà sa Phật nói ra, ba đời các Như Lai đều thủ hộ, mười phương Bồ tát làm chỗ quy y là con mắt trong sáng của 12 bộ kinh trong toàn bộ giáo lý Phật".

Thật vậy, lửa thì nóng, băng thì lạnh. Dù cho hằng hà sa chư Phật ở quá khứ, hiện tại hay vị lai, cũng đều nói lửa nóng, băng lạnh, vì đó là chân lý của vũ trụ vạn hữu, của cuộc đời, không ai có thể nói khác hơn được. Và khi cần sưởi ấm, nấu chín thức ăn thì ai cũng phải dùng đến lửa, khi cần mát lạnh cần nước thì ai cũng phải tìm băng. Kinh Như Lai Viên Giác liễu nghĩa Đại thừa đức Phật Thích Ca nói cũng tức là chư Phật ba đời nói. Vì nội dung giáo lý kinh Phật nói ra toàn chân lý liễu nghĩa và mười phương Bồ tát cũng chỉ quy y với kinh Đại thừa liễu nghĩa mà thôi.

Mười hai bộ kinh: Trường hàng, Trùng tụng, Cô khởi, Thí dụ, Nhơn duyên, Tự thuyết, Bản sanh, Bản sự, Vị tăng hữu, Phương quảng, Nghị luận và Ký biệt. Trong mười hai bộ loại đó, có hệ tư tưởng liễu nghĩa, có hệ tư tưởng nhơn, thiên, tiểu giáo, quyền thừa bất liễu nghĩa. Kinh Như Lai Viên Giác là con mắt trong sáng Đại thừa liễu nghĩa trong mười hai bộ kinh.

Kinh này có thể gọi bằng năm thứ tên, cũng như các kinh khác đều có thể gọi hoặc nhiều hoặc ít tên như vậy. Điều đó tùy thuộc ở trọng tâm triển khai, ở góc độ nhìn và nhận thức giáo lý.

Trọng tâm của kinh này, nhằm khai thị về pháp "đốn tu đốn chứng" cho nên kinh này thuộc "đốn giáo đại thừa". Tuy vậy, biển cả thì dung chứa tất cả nước sông ngòi, khe lạch. Các cơ giáo khác cũng có thể tu học và vẫn có được lợi ích. Người nghe kinh này mà tin hiểu, trong lòng không nghi hoặc là người trồng sâu căn lành, trong nhiều đời đã gặp gỡ Phật pháp rồi. Vì vậy, người nghe kinh này phải là người rất nhiều phước đức là người gieo trồng sâu hạt giống Đại thừa.

Tu học kinh này thiên long, bát bộ, quý thần đều ủng hộ khiến cho mọi tai ương bất trắc không thể xảy đến nhiều hại. Bởi vì người này đã đóng bít cánh cửa "hại nhơn" rồi.

*"Tước trác tứ cố thực.  
Yến tâm vô nghi tâm.  
Lượng đại phước diệc đại.  
Cơ thâm hoạ diệc thâm."*

**HẾT**

--- o0o ---